

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

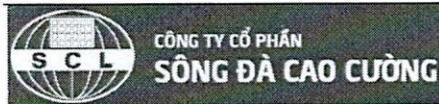
(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 02/01/2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường



Địa chỉ: Km 28+100m, Quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0220 358 0414

Website: <http://www.songdacaocuong.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Hữu Lực

Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức hành chính

Số điện thoại: 0220.358.0414

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 02/01/2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 3.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 30.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 024 3868 9566/024 3868 9588

Fax: 024 3868 6248

Website: <http://www.kiemtoanava.vn/>

CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM

Văn phòng Hà Nội: P. 1501 nhà 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 024 2221 0082

Fax: 024 2221 0084

Website: <http://www.pkf.com.vn/>

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Văn phòng Hà Nội: Phòng 903 toà 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại: 024 6281 1281

Fax:

Website: <http://www.aascn.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Trụ sở chính: Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, T.P Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 3880 3456

Fax: (84-24) 3880 3456

Website: <https://www.dsc.com.vn/>

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
DANH MỤC BẢNG	5
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8	
1. Tổ chức phát hành	8
2. Tổ chức tư vấn	8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro về luật pháp	12
3. Rủi ro đặc thù	13
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	13
5. Rủi ro pha loãng	14
6. Rủi ro quản trị công ty	15
7. Rủi ro khác	16
III. CÁC KHÁI NIỆM	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	16
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	17
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	18
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	19
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	20
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	21
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.....	23
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại ngày 15/12/2023	23
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	24
10. Hoạt động kinh doanh	24
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh	24
10.2. Tài sản.....	26
10.3. Thị trường hoạt động trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	26

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động chính trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	26
10.5. Các hợp đồng lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	27
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.....	28
10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành.....	29
10.8. Hoạt động Marketing.....	33
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế	35
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	35
10.11. Chiến lược kinh doanh.....	35
10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan	37
11. Chính sách đối với người lao động.....	37
12. Chính sách cổ tức	39
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	39
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	42
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	42
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	42
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	42
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	42
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	42
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành	43
2. Tình hình tài chính.....	44
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản	44
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	49
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	50
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2024	51
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC/PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	52

1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	52
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	53
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng	58
3.1. Hội đồng Quản Trị.....	59
3.2. Ban Kiểm soát	66
3.3. Ban Tổng Giám đốc.....	69
3.4. Kế toán trưởng.....	71
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	72
1. Loại cổ phiếu	72
2. Mệnh giá cổ phiếu	72
3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán.....	72
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).....	72
5. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).	72
6. Phương pháp tính giá.....	72
7. Phương thức phân phối.....	74
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	74
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	75
10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi)	76
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	76
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	77
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	77
14. Huỷ bỏ đợt chào bán.....	77
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	77
16. Các loại thuế có liên quan.....	77
17. Thông tin về các cam kết.....	78
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	78
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	78
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	78
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	79
1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán ra công chúng	79
2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán ra công chúng.....	80

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 - Danh sách Công ty mà TCPH đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối	20
Bảng 2 - Thông tin về quá trình tăng giảm vốn điều lệ.....	21
Bảng 3 - Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn.....	23
Bảng 4 - Cơ cấu cổ phiếu phổ thông tại ngày 15/12/2023	23
Bảng 5 - Cơ cấu doanh thu lợi nhuận chia theo sản phẩm, dịch vụ	24
Bảng 6 - Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2021, 31/12/2022 và 31/12/2023	26
Bảng 7 - Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	27
Bảng 8 - Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty	28
Bảng 9 - Tình hình lao động của Công ty	37
Bảng 10 - Thông tin sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	40
Bảng 11 - Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.....	42
Bảng 12 - Tình hình vốn chủ sở hữu năm 2021, năm 2022 và năm 2023	44
Bảng 13 - Tình hình các khoản phải thu	45
Bảng 14 - Tình hình các khoản phải trả	46
Bảng 15 - Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước.....	47
Bảng 16 - Tình hình trích lập các quỹ theo luật định.....	47
Bảng 17 - Tình hình dư nợ vay của Công ty qua các năm	48
Bảng 18 - Các chỉ tiêu tài chính năm 2021, 2022, 2023	49
Bảng 19 - Kế hoạch doanh thu lợi nhuận và cổ tức năm 2024	51
Bảng 20 - Danh sách cổ đông lớn SCL tại ngày 15/12/2022	53
Bảng 21 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn – Kiều Văn Mát.....	54
Bảng 22 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn – Kiều Thị Nhung.....	55
Bảng 23 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn – CTCP Công nghiệp dịch vụ Cao Cường	57
Bảng 24 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch, lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành của các cổ đông lớn.....	58
Bảng 25 - Danh sách HĐQT, BKS, BTGD, KTT.....	59
Bảng 26 - Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	78

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành****CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG**

Ông: Kiều Văn Mát Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Vũ Văn Chiến Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: Trần Văn Hoan Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Ông: Bạch Quốc Vinh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán DSC tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 3008/2023/HĐDV/DSC-SCL ngày 30 tháng 08 năm 2023 với Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường cung cấp.

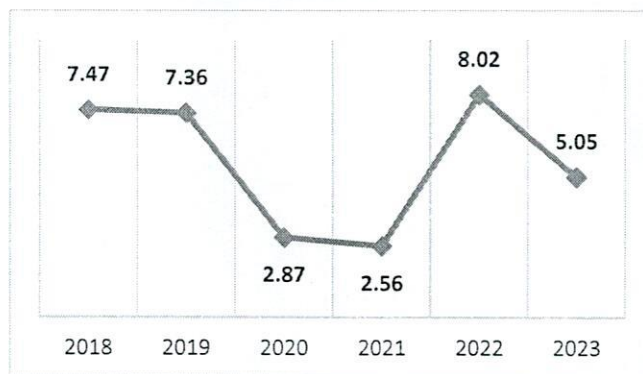
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**1. Rủi ro về kinh tế**

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng và phát triển của doanh nghiệp. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô với các nhân tố cơ bản là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành của doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SCL.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam (%)



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Kinh tế - xã hội năm 2023 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước, cao hơn tốc độ tăng của 2020 và 2021 - thời điểm chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, ước tính đạt khoảng 10,22 triệu tỉ đồng, tương đương 430 tỉ USD. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022.

Xét riêng trong quý 4-2023, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tăng 6,72% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn quý 4 các năm giai đoạn 2020-2022. Tốc độ tăng trưởng kinh tế quý 4 theo GSO có xu hướng tích cực, cao hơn các quý trước của năm 2023, cụ thể quý 1 tăng 3,41%, quý 2 tăng 4,25%, quý 3 tăng 5,47%. Theo Tổng cục Thống kê, trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Về năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2023 ước đạt 199,3 triệu đồng/lao động, tương đương 8.380 USD/lao động/năm, tăng 274 USD so với năm 2022. Trong năm 2023 sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng tích cực, tiếp tục giữ vững vai trò trụ đỡ của nền kinh tế. Trong khi sản xuất công nghiệp lại gặp nhiều khó khăn, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2023 ước tăng 3,02% so với năm trước.

Về hoạt động dịch vụ năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả năm 2023 ước đạt 6.231 nghìn tỉ đồng, tăng 9,6% so với năm trước. Khách quốc tế đến Việt Nam năm 2023 đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu 8 triệu khách quốc tế của năm 2023 nhưng chỉ bằng 70% năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch COVID-19. Bên cạnh đó, số lượt người Việt Nam xuất cảnh đạt 5 triệu lượt người, gấp 2 lần năm trước.

Đối với thị trường chứng khoán, tính đến ngày 15-12, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 17.624 tỉ đồng/phiên, giảm 12,6% so với bình quân năm 2022. Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 6.114 tỉ đồng/phiên, giảm 20,4% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 355,5 tỉ USD, giảm 4,4% so với năm trước. Trong khi kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 327,5 tỉ USD, giảm 8,9% so với năm trước.

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu 28 tỉ USD, tăng 16 tỉ USD so với năm 2022. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 2023 tăng 3,25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Giá vàng năm 2023 tăng 4,16%, giá USD tăng 1,86% so với năm 2022.

Là một Công ty hoạt động trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình biến động sản xuất công nghiệp và xây dựng trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển cho từng thời kỳ nhất định. Trước bất kỳ một thay đổi nhỏ nào của nền kinh tế thế giới nói chung cũng như kinh tế Việt Nam nói riêng, Ban lãnh đạo Công ty cũng tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các phương hướng hành động cụ thể tương ứng với từng giai đoạn hoạt động của Công ty. Chính vì thế, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực sản xuất, năng lực tài chính của Công ty.

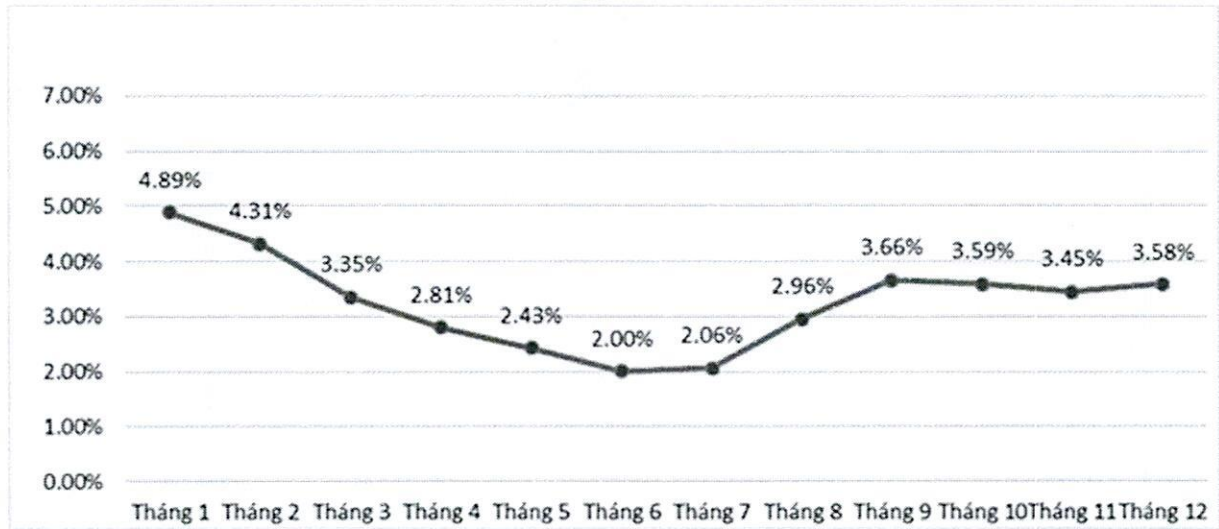
Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có ảnh hưởng đến mọi chủ thể trong nền kinh tế. Lạm phát tăng cao sẽ kéo theo sự gia tăng của nguyên nhiên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất, quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của các doanh nghiệp.

Trong năm 2023, CPI tháng Một tăng cao với 4,89%, áp lực lạm phát rất lớn nhưng sau đó đã giảm dần, đến tháng Sáu mức tăng chỉ còn 2%, đến tháng Mười Hai tăng 3,58%, bình quân cả năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/7/2023; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; gia hạn visa cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được bảo đảm. Ngoài ra, giá một số mặt hàng giảm theo giá thế giới cũng đã góp phần giúp giảm áp lực lạm phát như giá

xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11,02% so với năm 2022, giá gas giảm 6,94%. Vì vậy, năm 2023 Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát.

Tốc độ tăng CPI các tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

CTCP Sông Đà Cao Cường hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, vì vậy yếu tố lạm phát có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty, đặc biệt là tới chi phí giá thành sản xuất và giá bán sản phẩm, từ đó ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh. Giá nguyên vật liệu phụ gia đầu vào, chi phí năng lượng sản xuất tăng khiến giá thành sản phẩm tăng, trong khi áp lực cạnh tranh khiến giá bán không thể tăng quá cao có thể dẫn đến lợi nhuận giảm. Giá vật liệu bảo dưỡng tăng khiến nhu cầu thi công công trình giảm, tác động ngược đến sản lượng bán hàng cũng giảm theo... Tuy nhiên, do nguyên vật liệu chính đầu vào là tro xỉ từ nhà máy nhiệt điện có giá thành hầu như không biến động, khi giá sản phẩm đầu gia tăng sẽ giúp doanh thu lợi nhuận đều tăng. Đây là một lợi thế lớn đối với sản phẩm của Công ty. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn sát sao theo dõi sự biến động của giá cả và tình hình lạm phát, từ đó có kế hoạch mua nguyên vật liệu, điều chỉnh kế hoạch và sản lượng sản xuất phù hợp để tối ưu hóa kết quả kinh doanh.

Lãi suất

Kể cả đối với những doanh nghiệp có tài chính mạnh, cũng có những thời điểm cần huy động vốn vay để đảm bảo vận hành kinh doanh. Trong trường hợp xấu, chi phí trả lãi vay sẽ cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận.

Năm 2023, trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức hơn là thuận lợi ở cả trong và ngoài nước, kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm vẫn ghi nhận một số điểm tích cực, trong đó có thị trường tài chính- tiền tệ. Với chính sách tiền tệ, điểm sáng nổi bật là Ngân hàng Nhà nước đã 4 lần giảm lãi suất điều hành (từ 0,5-1,5%) nhằm giảm lãi suất huy động và cho vay, góp phần tăng khả năng tiếp cận và cung cấp vốn cho nền kinh tế.

Theo đó, về cơ bản, mặt bằng lãi suất đã ổn định, lãi suất tiền gửi và cho vay mới có xu hướng giảm dần. Lãi suất tiền gửi bình quân của các ngân hàng thương mại ở mức khoảng 5,8%/năm (giảm 0,7% so với cuối năm 2022). Lãi suất cho vay bình quân VND ở mức khoảng 8,9%/năm (giảm 1%/năm so với cuối năm 2022). Trong bối cảnh đó, nhiều ngân hàng đã đưa ra các chương trình cho vay ưu đãi với lãi suất thấp hơn mức này nhằm kích thích nhu cầu tín dụng, đồng thời, hướng tới hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh.

Hiện tại, CTCP Sông Đà Cao Cường đang tiến hành đầu tư xây dựng cơ bản nhiều hạng mục mới phục vụ mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính thông qua các công cụ nợ là tất yếu đối với Công ty. Do đó, lãi suất có tác động lớn trực tiếp tới kết quả kinh doanh, lãi suất tăng quá cao hay biến động bất thường sẽ khiến các hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề, đồng thời tạo ra sự bị động khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh. Do đó, sự biến động của lãi suất được Lãnh đạo Công ty theo dõi sát sao để có kế hoạch giải ngân nhận nợ, trả nợ phù hợp, vừa đảm bảo các tỷ lệ an toàn tài chính, vừa tối ưu hóa các chi phí tài chính để phục vụ tốt nhất cho mục tiêu hoạt động từng thời kỳ của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới như tro bay; vữa khô trộn sẵn; keo dán gạch đá; keo chít mạch; gạch nhẹ chưng áp AAC; sản xuất thạch cao nhân tạo, đây là các công trình nghiên cứu duy nhất về lĩnh vực này tại Việt Nam. Do vậy, Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp từ các văn bản pháp luật liên quan đến các tiêu chuẩn kỹ thuật về vật liệu xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và các văn bản pháp luật liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Để hạn chế rủi ro vi phạm, doanh nghiệp phải bám sát các chính sách và quy định của luật về lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần (CTCP), và là công ty đại chúng có cổ phiếu giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các Nghị định, Thông tư có liên quan. Hệ thống pháp luật nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các bộ luật được thay đổi khá thường xuyên, gây khó cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ để hoạt động ổn định. Nhằm hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật và chính sách quản lý của Nhà nước, từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

Hiện nay Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới như tro bay; vữa khô trộn sẵn; keo dán gạch đá; keo chít mạch; gạch nhẹ chung áp AAC; sản xuất thạch cao nhân tạo nên sẽ phải chịu một số những rủi ro sau:

- Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng thuộc ngành nghề kinh doanh chịu rủi ro liên quan đến sức khỏe và tính mạng con người. Do đó, vấn đề chất lượng sản phẩm của Công ty luôn được đặt lên hàng đầu, do các thiết bị cung cấp đều do các hãng hàng đầu trên thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về thiết bị y tế phục vụ con người của các quốc gia. Công ty phải luôn chú trọng tới việc đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- Đối với hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, các nguyên liệu nhập khẩu được sử dụng trong quá trình sản xuất nên sẽ bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ. Đây là một trong những nhân tố rủi ro ảnh hưởng nhiều đến giá vốn hàng bán và khả năng sinh lời của các Công ty trong ngành nói chung, trong đó có SCL. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi những biến động về giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã thiết lập và duy trì mối quan hệ uy tín với các nhà cung cấp lớn trên thị trường, đồng thời phải có những đánh giá về thị trường thường xuyên để đảm bảo có thể chủ động nguồn hàng hóa với giá cả ổn định. Bên cạnh đó, Công ty luôn tăng cường công tác dự báo thị trường để có thể chủ động và có kế hoạch dự trữ hàng hóa hợp lý, giảm thiểu tác động trong những giai đoạn giá cả thị trường có sự biến động mạnh.

- Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới. Đặc biệt sau khi Việt Nam gia nhập WTO cùng với sự dỡ bỏ các hàng rào thuế quan sẽ thu hút sự tham gia các Công ty hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng từ nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại. Việc kinh doanh trong lĩnh vực này sẽ cạnh tranh khốc liệt hơn nên công ty phải có các phương án kinh doanh đảm bảo hạn chế được những cạnh tranh về mặt giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm.

- Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu, người lao động hàng ngày phải tiếp xúc với các nguyên liệu như tro xi, hóa chất..., điều này sẽ ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe của người lao động, ảnh hưởng đến năng suất lao động và đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, việc trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động, mua bảo hiểm y tế nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động là hết sức cần thiết và luôn được Công ty chú trọng.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán không thành công

Với diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn hiện nay khá phức tạp, các chỉ số giá chứng khoán biến động liên tục, đợt chào bán của Công ty, có thể sẽ có rủi ro về việc

chào bán không thành công. Xác định được rủi ro này nên Công ty đã có những phương án dự trù hỗ trợ trường hợp phát hành không thành công. Để đảm bảo đủ nguồn vốn để trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Công ty dự kiến sẽ huy động nguồn vốn vay ngân hàng, các tổ chức tài chính hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp phục vụ sản xuất kinh doanh.

5. Rủi ro pha loãng

Mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau khi chào bán

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu SCL sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P_{pl} : là giá tham chiếu điều chỉnh trong Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

P_t : là giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

I : là tỷ lệ vốn tăng trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu: được tính = 3.000.000 cổ phiếu phát hành thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu/18.660.895 cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành ($I = 0,161$)

PR : Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu ($PR=10.000$ đồng/cổ phiếu)

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh. Giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng P_{pl} phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng P_t

- Nếu $P_t = PR = 10.000$ đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng $P_{pl} = P_t = 10.000$ đồng/cổ phiếu.

- Nếu $P_t < PR$, thì $P_t < P_{pl}$ và P_t càng thấp thì khoảng cách $P_{pl} - P_t$ sẽ càng cao.

- Nếu $P_t > PR$ thì $P_t > P_{pl}$ và P_t càng cao thì khoảng cách $P_t - P_{pl}$ càng cao. Với mỗi giá P_t cụ thể ta sẽ có giá P_{pl} tương ứng.

Rủi ro pha loãng giá xảy ra khi giá cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền $P_t > PR = 10.000$ đồng

Ví dụ: Giả sử giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền $P_t = 15.000$ đồng/cổ phiếu. Giá pha loãng cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường sau đợt phát hành được xác định như sau:

$$P_{pl} = \frac{15.000 + (10.000 \times 0,161)}{1 + 0,161} = 14.305 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu sau khi chào bán (Pha loãng EPS)

Khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể sẽ bị giảm do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng. Khi đó EPS được tính như sau:

$$EPS \text{ bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

$$\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

Trong đó: X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành

Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm

T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phiếu sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Tài sản vô hình}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Số lượng cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro quản trị công ty

SCL luôn tuân thủ các quy định về quản trị, đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động HĐQT và Quy chế hoạt động BKS đã được cập nhật theo các quy định hiện hành và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường luôn tuân thủ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

Khi thực hiện chào bán, việc pha loãng sẽ dẫn đến thay đổi cơ cấu quản trị. Tuy nhiên, do tỷ lệ chào bán thấp, đồng thời đây là đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu nên rủi ro quản trị sẽ thấp.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Tổ chức phát hành/ SCL	:	Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường
DSC	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
UBCKNN	:	Ủy ban chứng khoán nhà nước
VSDC	:	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
BCTC	:	Báo cáo tài chính
CTCP	:	Công ty cổ phần
Luật Doanh nghiệp	:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020
Luật Chứng khoán	:	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019

Những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty	:	Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường
Tên tiếng Anh	:	Song Da Cao Cuong Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	SONGDA CAOCUONG., JSC
Trụ sở chính	:	Km 28+100m, Quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Điện thoại	:	0220 358 0414

Fax :
Web site : www.songdacaocuong.vn
Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 02/01/2024.
Vốn điều lệ : 186.608.950.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp : 186.608.950.000 đồng
Người đại diện theo pháp luật : Ông Vũ Văn Chiến Chức vụ: Tổng Giám đốc
Mã cổ phiếu : SCL
Sàn giao dịch : UpCOM
Ngành nghề kinh doanh chính : - Sản xuất vật liệu xây dựng, chi tiết:
+ Sản xuất tro bay;
+ Sản xuất vữa khô trộn sẵn;
+ Sản xuất keo dán gạch đá, keo chít mạch;
+ Sản xuất gạch nhẹ chưng áp AAC;
+ Sản xuất thạch cao nhân tạo.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Năm 2007: Ngày 17/04/2007, Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Cao Cường chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng, với định hướng lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất tro bay. Do đó, trong năm 2007, Công ty đã thực hiện xây dựng nhà máy tro bay đầu tiên, đặt nền móng cho sự phát triển tiếp theo;

Năm 2008: Công ty đạt giải thưởng WIPO - Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam dành cho Dây chuyền công nghệ sản xuất tro bay;

Năm 2009: Công trình Dây chuyền chế biến tro bay của Công ty được Cục Bản quyền tác giả cấp chứng nhận và được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen. Cũng trong năm, Công ty thực hiện chào bán 3 triệu cổ phiếu ra công chúng;

Năm 2010: Ngày 22/04/2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường. Về sản xuất, Công ty tiến hành khởi công xây dựng Nhà máy gạch nhẹ ACC và Nhà máy vữa khô trộn sẵn, mở rộng phạm vi cũng như quy mô kinh doanh. Trên thị trường chứng khoán, ngày 15/09/2010, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn HNX.

Năm 2013: Công ty nhận giải thưởng Vì môi trường xanh quốc gia, trở thành thành viên của Hội đồng Công tình xanh Việt Nam;

Năm 2014: Công ty được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp khoa học - Công nghệ

Năm 2015: Công ty tiếp tục thực hiện chào bán thêm 3 triệu cổ phiếu ra công chúng.

Năm 2016-2019: Công ty có nhiều thay đổi trong bộ máy quản trị, cơ cấu lại bộ máy quản lý, các nguồn lực được chuẩn bị và hoạch định để đáp ứng tốt yêu cầu đảm bảo phát triển bền vững, tối ưu hoạt động của công ty.

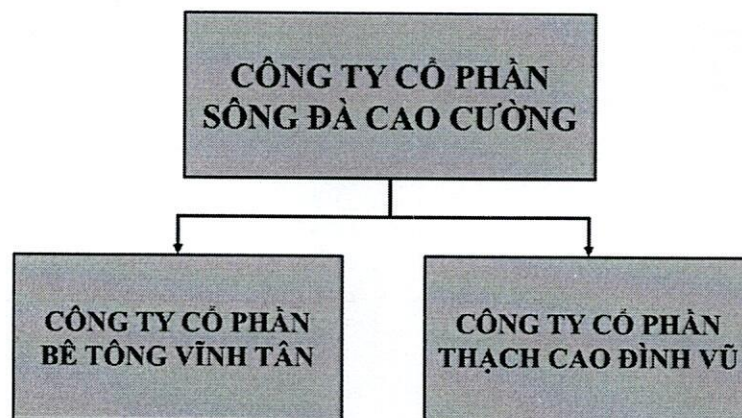
Năm 2020: Cổ phiếu SCL hủy niêm yết từ ngày 08/05/2020 và chính thức giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Năm 2022: Công ty chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Năm 2024: Công ty dự kiến chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Từ khi chính thức đi vào hoạt động đến nay, Công ty không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất, đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật, tìm kiếm thị trường, huy động và tối ưu hóa nguồn vốn. Cùng với sự điều hành sáng suốt, uyển chuyển, nhạy bén của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và với sự đồng thuận của toàn thể Cán bộ nhân viên, Công ty đã tập trung mạnh nguồn lực, con người để phát triển mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và khẳng định vị thế trên thị trường.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

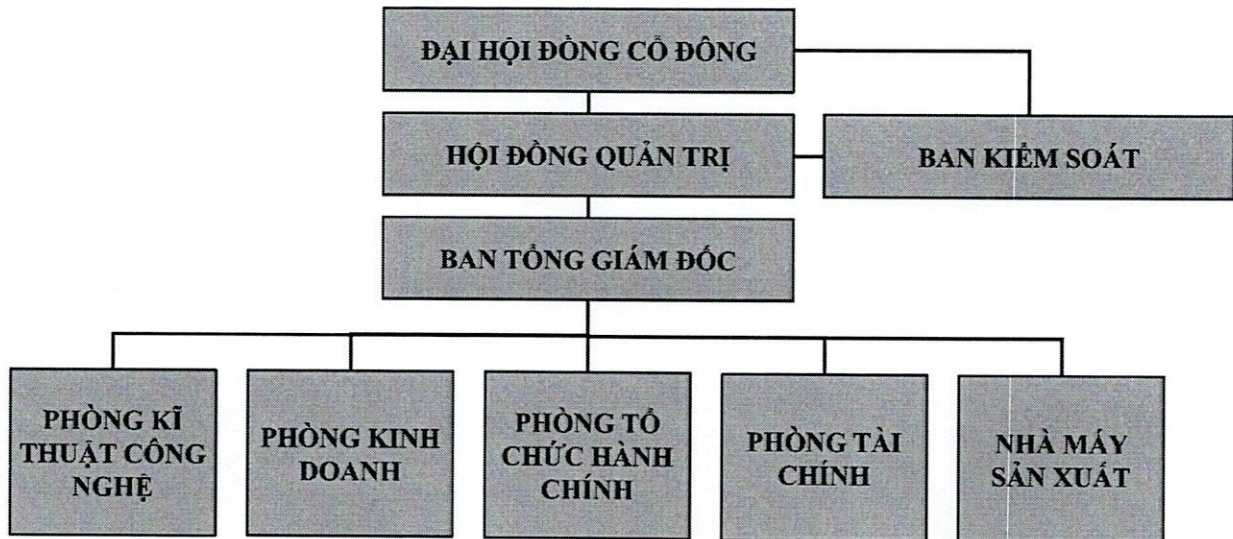


(Nguồn: SCL)

Hiện Công ty có góp vốn vào 02 Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Bê tông Vĩnh Tân;
- Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành



(Nguồn: SCL)

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông cổ đông. Quyền và nghĩa vụ chi tiết của Hội đồng quản trị được nêu tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm tra nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các phòng ban chức năng

Các phòng ban nghiệp vụ thực hiện theo sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

a. Công ty mẹ

Danh sách công ty mẹ của SCL trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có.

b. Công ty con

Danh sách công ty con mà SCL đã góp vốn 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có.

c. Công ty mà Tổ chức Phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng 1 - Danh sách Công ty mà TCPH đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Tên Công ty	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của SCL	Tỷ lệ biểu quyết của SCL	Ghi chú
Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân	Số ĐKKD: 3401215209 cấp ngày 01/12/2020 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp	Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	40%	40%	-
Công ty Cổ phần Thạch Cao Đình Vũ	Số ĐKKD: 0201121251 cấp ngày 13/10/2010 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp	Lô GI-7, khu Kinh tế Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thạch cao	16,38%	16,38%	-

(Nguồn: SCL)

d. Công ty/Tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức Phát hành 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Kể từ thời điểm thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ như sau:

Bảng 2 - Thông tin về quá trình tăng giảm vốn điều lệ

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp
1	31/10/2007	20.000.000.000	50.000.000.000	Chào bán riêng lẻ	- Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 40/NQ-ĐHCĐBT ngày 06/06/2007; - Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0403000572 thay đổi lần 2 ngày 25/01/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.
2	31/08/2008	10.000.000.000	60.000.000.000	Chào bán riêng lẻ	- Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 01 ngày 21/06/2008; - Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0403000572 thay đổi lần 3 ngày 01/07/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.
3	25/10/2010	30.000.000.000	90.000.000.000	Chào bán riêng lẻ 1 triệu cổ phiếu; Phát hành 2 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 246/NQ-ĐHCĐ ngày 29/09/2009; - Giấy phép của UBCKNN số 467/UBCK-GCN ngày 10/12/2009; - Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 thay đổi lần 5 ngày 22/04/2010 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

4	31/11/2015	18.899.730.000	108.899.730.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị Quyết số 276/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014; Số 368//NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2015 và Nghị Quyết số 455/NQ-HĐQT ngày 12/06/2015; - Giấy phép của UBCKNN số 78/GCN-UBCK ngày 08/10/2015; - Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 thay đổi lần 9 ngày 30/11/2015 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.
5	12/01/2016	30.000.000.000	138.899.730.000	Chào bán cổ đồng hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị Quyết số 276/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014 và Nghị Quyết số 368/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2015; Giấy phép của UBCKNN số 78/GCN-UBCK ngày 08/10/2015; - Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 thay đổi lần 10 ngày 15/01/2016 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.
6	30/08/2022	18.889.150.000	157.788.880.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 1.388.915 CP; Theo chương trình ESOP: 500.000 CP	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2021 và Nghị quyết số 196/ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 - Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán Số 193/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 30/08/2022 - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800376530 thay đổi lần 14 ngày 22/08/2022
7	19/10/2022	15.000.000.000	172.788.880.000	Phát hành 1.500.000 CP cho cổ đồng hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2021 và Nghị quyết số 196/ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022; - Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán Số 193/2010/GCNCP-VSD-4 ngày 19/10/2022; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800376530 thay đổi lần 15 ngày 06/10/2022

8	15/12/2023	13.823.110.000	186.608.950.000	Phát hành 1.382.311 CP để trả cổ tức năm 2022	- Nghị quyết số 261/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023; Nghị quyết số 569/NQ-HĐQT ngày 14/09/2023 và Nghị quyết số 796/NQ-HĐQT ngày 04/11/2023; - Văn bản số 8208/UBCK-QLCB ngày 23/11/2023; - Giấy chứng 0800376530 thay đổi lần 16 ngày 02/01/2024.
---	------------	----------------	-----------------	--	---

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng 3 - Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn

STT	Thông tin khoản góp vốn/thoái vốn lớn	Tổng giá trị	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện
1	Góp vốn vào Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ	9.621.600.000	29/02/2020	Góp vốn bằng tiền
2	Góp vốn vào Công ty cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân	1.200.000.000	22/12/2020	Góp vốn bằng tiền
3	Góp vốn vào Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ	570.000.000	29/10/2021	Góp vốn bằng tiền

(Nguồn: SCL)

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại ngày 15/12/2023

a. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4 - Cơ cấu cổ phiếu phổ thông tại ngày 15/12/2023

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1	Cổ đông trong nước	862	18.659.896	99,99	99,99
1.1	Tổ chức	8	2.821.684	15,12	15,12
1.2	Cá nhân	854	15.838.212	84,87	84,87
2	Cổ đông nước ngoài	2	999	0,01	0,01
2.1	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ 100% vốn điều lệ	-	-	0,00	0,00
2.2	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ	-	-	0,00	0,00

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
2.3	Cá nhân	2	999	0,01	0,01
Tổng cộng		864	18.660.895	100,00	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông SCL ngày 15/12/2023)

b. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

c. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Theo văn bản số 661/UBCK-PTTT ngày 14/02/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 0%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không có quy định cụ thể.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành (tại ngày 15/12/2023): 0,01%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

a. Các sản phẩm kinh doanh chính

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty là các loại vật liệu xây dựng thể hệ mới, chi tiết bao gồm:

- + Tro bay: Được sử dụng trong công nghiệp sản xuất xi măng, bê tông;
- + Vữa khô trộn sẵn, vữa các loại;
- + Keo dán gạch đá, keo chít mạch;
- + Gạch nhẹ chung áp AAC, tấm panel;
- + Thạch cao nhân tạo có nguồn gốc từ bã thải Gyps của nhà máy sản xuất phân bón DAP –

Đình Vũ – Hải Phòng.

b. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên và không mang tính thời vụ.

c. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 5 - Cơ cấu doanh thu lợi nhuận chia theo sản phẩm, dịch vụ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng/ Giảm
		Giá trị	Giá trị	Giá trị	%

1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	310.888	338.735	473.477	39,78
a	Tro bay	289.592	272.699	188.544	(30,86)
b	Lĩnh vực gạch, pannel, vữa, keo	20.405	59.771	272.811	356,43
c	Các sản phẩm khác	891	6.265	12.122	93,49
2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	155.166	165.808	167.710	1,15
a	Tro bay	154.264	157.031	76.445	(51,32)
b	Lĩnh vực gạch, pannel, vữa, keo	597	8.272	87.555	958,45
c	Các sản phẩm khác	306	506	3.710	633,20

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021; BCTC đã kiểm toán năm 2022; BCTC cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 của SCL).

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty có sự tăng trưởng trong hai năm gần đây thông qua việc mở rộng sản xuất và gia tăng chủng loại sản phẩm (như sản phẩm thạch cao nhân tạo, gạch nhẹ chung áp AAC, sản phẩm vữa các loại) cùng với việc củng cố sản lượng sản xuất và doanh số bán hàng của các sản phẩm chủ lực truyền thống (như tro bay) và mở rộng phát triển mới các sản phẩm về vữa các loại, doanh thu của Công ty tăng trưởng khả quan.

Năm 2022, doanh thu bán hàng từ các sản phẩm tro bay đạt 272.699 triệu đồng chiếm 80,51% còn lại là các sản phẩm khác như than qua tuyển, gạch, vữa, keo, tấm panel,... Doanh thu năm 2022 vẫn tập trung chủ yếu vào dòng sản phẩm truyền thống của Công ty là tro bay và than qua tuyển. Tuy nhiên so với năm 2021 thì cơ cấu doanh thu của Công ty đã có xu hướng dịch chuyển sang các sản phẩm khác. Điều này cho thấy Công ty đang thực hiện tốt việc tận dụng các nguồn nguyên liệu sẵn có để phát triển đa dạng hoá sản phẩm và còn thể hiện rõ hơn ở năm 2023 khi doanh thu từ các sản phẩm Lĩnh vực gạch, pannel, vữa, keo của công ty đã đạt 272.811 triệu đồng chiếm 57,62% doanh thu thuần.

Tương tự như doanh thu thuần, lợi nhuận gộp năm 2022 của Công ty đều có xu hướng tăng so với năm 2021. Cụ thể năm 2022 lợi nhuận gộp đạt 165.808 triệu đồng, tăng 6,86% so với năm 2021. Mặc dù công ty bắt đầu dịch chuyển doanh thu sang đa dạng các sản phẩm khác ngoài tro bay nhưng do chi phí còn cao nên chưa đem lại được lợi nhuận từ những sản phẩm này. Sang đến năm 2023 vấn đề này đã được khắc phục hoàn toàn và việc đa dạng hoá sản phẩm đã đem lại lợi nhuận tốt cho Công ty, cụ thể lợi nhuận từ gạch, pannel, vữa, keo năm 2023 đạt 87.555 triệu đồng chiếm 52,21% lợi nhuận gộp.

10.2. Tài sản

Tài sản cố định của SCL tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 31/12/2023:

Bảng 6 - Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2021, 31/12/2022 và 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	31/12/2021			31/12/2022			31/12/2023		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
Tài sản cố định hữu hình		247.061.496.561	118.273.238.250	47,87	234.476.503.908	116.022.702.467	49,48	261.409.039.154	132.452.123.280	50,67
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	68.783.932.251	39.383.909.854	57,26	70.566.444.163	37.806.346.682	53,58	74.678.905.805	38.090.072.960	51,01
2	Máy móc thiết bị	169.197.395.201	77.679.343.465	45,91	154.829.890.636	77.186.207.222	49,85	175.604.000.896	91.613.518.096	52,17
3	Phương tiện vận tải	9.049.169.109	1201451612	13,28	9.049.169.109	1.027.815.248	11,36	11.040.632.453	2.702.822.543	24,48
4	Thiết bị DCQL và TSCĐ khác	31.000.000	8.533.319	27,53	31.000.000	2.333.315	7,53	85.500.000	45.709.681	53,46
Tài sản cố định vô hình		15.650.050.399	10.204.173.924	65,20	15.650.050.399	9.859.727.244	63,00	15.650.050.399	9.515.280.564	60,80
1	Quyền sử dụng đất	6.734.031.852	4.917.192.250	73,02	6.734.031.852	4.752.511.618	70,57	6.734.031.852	4.587.830.986	68,13
2	TSCĐ vô hình khác	8.916.018.547	5.286.981.674	59,30	8.916.018.547	5.107.215.626	57,28	8.916.018.547	4.927.449.578	55,27
TỔNG CỘNG		262.711.546.960	128.477.412.174	48,90	250.126.554.307	125.882.429.711	50,33	277.059.089.553	141.967.403.844	51,24

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021; BCTC đã kiểm toán năm 2022; BCTC cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 của SCL)

10.3. Thị trường hoạt động trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

SCL sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, sản phẩm chủ lực của Công ty là tro bay chủ yếu được xuất khẩu ra nước ngoài tới các thị trường bao gồm: Lào, Philipine... và ngoài ra còn có các sản phẩm về gạch, panel, vữa và keo các loại. Trước năm 2023, sản phẩm kinh doanh chính của công ty là tro bay, bước sang năm 2023 công ty đã hoàn thiện việc nâng cấp công nghệ sản xuất vữa và bắt đầu đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm về vữa các loại đem lại nguồn thu lớn cho công ty.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động chính trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

- Nội dung góp vốn vào Công ty Cổ phần Vĩnh Tân: Thực hiện định hướng của Công ty về việc hợp tác để đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất tro bay và các sản phẩm vật liệu xây dựng từ tro xỉ nhiệt điện” tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, tại biên bản ghi nhớ ngày 13/11/2020 giữa Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường; Công ty cổ phần Tập Đoàn Thái Bình Dương và Công ty cổ phần năng lượng tái tạo Nhật Tân các bên tham gia thống nhất thành lập pháp nhân để triển khai dự án, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường chiếm 40% vốn điều lệ pháp nhân. Ngày 01/12/2021 Công ty cổ phần bê tông Vĩnh Tân được thành lập với vốn điều lệ 3 tỷ VNĐ, trong đó Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

góp 1,2 tỷ đồng chiếm 40% vốn điều lệ. Hiện nay Công ty cổ phần bê tông Vĩnh Tân đang triển khai nghiên cứu thị trường và chuẩn bị thủ tục cần thiết để thực hiện mục tiêu thỏa thuận các bên.

- Nội dung góp vốn vào Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ: Hợp đồng thành lập doanh nghiệp ký ngày 01/10/2021, các bên tham gia bao gồm: Công ty TNHH MTV DAP – VINACHEM, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường, Công ty cổ phần Thương mại – Vận tải Minh Loan cùng nhau thống nhất thành lập “Công ty cổ phần thạch Cao Đình Vũ” với mục tiêu đầu tư xây dựng “Nhà máy chế biến bã thải thạch cao, các sản phẩm từ thạch cao”. Hiện nay vốn điều lệ của Công ty là 129,4 tỷ VNĐ trong đó Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường chiếm 16,38%. Nhà máy đi vào hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từ đầu năm 2018 với sản phẩm chính là thạch cao nhân tạo cung cấp cho các nhà máy xi măng trong nước và xuất khẩu sang các nước trung Á.

10.5. Các hợp đồng lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng 7 - Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Đối tác	Tên hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (Tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, cổ đông lớn
1	Công ty cổ phần SCIE & C	Hợp đồng mua bán số 250/2020/HĐM B/SCIEC-SCL	Cung cấp tro bay khô làm phụ gia bê tông. Dự án: thủy điện Nam Sam 3 tại nước CH dân chủ nhân dân Lào	145,60	22/10/2020	T10/2020 - T9/2023	Không
2	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	Hợp đồng số 2910/HĐ-NĐVT-SDCC/2021	Cung cấp dịch vụ xử lý, tiêu thụ tro xỉ đang lưu giữ tại bãi xỉ NMNĐ Vĩnh Tân 2	19,14	29/10/2021	15 năm	Không
3	Công ty CP phát triển và đầu tư xây dựng Vincons	Hợp đồng mua bán hàng hóa số 2010/2022/HĐ MB/VINCONS-SCL	Cung cấp tấm panel SCL - ALC, vữa liên kết tấm SCL-Ekoflex loại 1, vữa xây dựng SCL - Motar cho DA Vinhomes Dream City Hưng Yên	123,78	20/10/2022	T11/2022 đến nay	Không
4	Công ty TNHH phát triển xây dựng Vật Liệu Xanh	Hợp đồng phân phối số 16/2023/HĐPP/SCL-VLX	Cung cấp gạch SCL - BLOCK, tấm Panel SCL - ALC, vữa khô trộn sẵn SCL - MORTAR, keo dán gạch SCL - Ekotex,	-	02/01/2023	T1/2023 đến nay	Không

			vữa liên kết tấm SCL - Ekoflex				
5	Công ty CP phát triển và đầu tư xây dựng Vincons	Hợp đồng cung cấp hàng hóa số 0301/2022/HĐC CHH/VINCON S-SDCC	Cung cấp vữa liên kết tấm	-	03/01/2023	T2/2023 đến nay	Không
6	CN tại Hưng Yên - Công ty CP Vinhomes	Hợp đồng mua bán hàng hóa số 0103/2023/HĐ MB/CNHY-SCL	Cung cấp tấm panel SCL - ALC (1 lõi thép) cho DA Vinhomes Dream City Hưng Yên	1,21	01/03/2023	T3/2023 đến nay	Không
7	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	Hợp đồng số 270/HĐ-NĐVT-SDCC/2023	Cung cấp dịch vụ xử lý, tiêu thụ tro xỉ NMNĐ Vĩnh Tân 2	7,25	23/06/2023	T7/2023 đến nay	Không

(Nguồn: SCL)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng 8 - Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty

TT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị giao dịch (tỷ VNĐ)	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
I	Khách hàng				
1	Công ty cổ phần SCIE & C	Cung cấp tro bay khô làm phụ gia bê tông. Dự án: thủy điện Nam Sam 3 tại nước CH dân chủ nhân dân Lào	180,12	22/10/2020	Không
2	CN tại Hưng Yên - Công ty CP Vinhomes	Cung cấp tấm panel SCL - ALC (1 lõi thép) cho DA Vinhomes Dream City Hưng Yên	0,96	01/03/2023	Không
3	Công ty CP phát triển và đầu tư xây dựng Vincons	Cung cấp vữa liên kết tấm	1,00	03/01/2023	Không
4	Công ty TNHH phát triển xây dựng Vật Liệu Xanh	Cung cấp gạch SCL - BLOCK, tấm Panel SCL - ALC, vữa khô trộn sẵn SCL - MORTAR, keo dán gạch SCL - Ekotex, vữa liên kết tấm SCL - Ekoflex	19,40	02/01/2023	Không
5	Công ty CP phát triển và đầu tư xây dựng Vincons	Cung cấp tấm panel SCL - ALC, vữa liên kết tấm SCL-Ekoflex loại 1, vữa xây dựng SCL - Motar cho DA Vinhomes Dream City Hưng Yên	103,09	20/10/2022	Không
II	Nhà cung cấp				

1	Công ty TNHH Linh Trang HD	Mua bán cát	1,19	10/01/2023	Không
2	Công ty TNHH SX VLXD Thái Hà	Mua bột phụ gia Vinnapas và giữ nước các loại	1,20	02/01/2023	Không
3	Công ty TNHH công nghệ Hikari	Mua sơn chống rỉ	3,25	15/05/2023	Không
4	Công ty TNHH năng lượng xanh Yên Bái	Mua dăm gỗ quế	3,38	13/05/2023	Không
5	Công ty CP SX và TM dịch vụ TKD	Mua bán vôi	5,30	02/01/2023	Không
6	Công ty TNHH TM Nhật Linh	Mua xi măng rời	15,84	02/01/2023	Không
7	Công ty CP Trung Kiên Holdings	Mua vỏ bao Jumbo, tem PP in tên sản phẩm	19,87	02/01/2023	Không
8	Công ty TNHH TM & DV vận tải Lợi Lộc	Mua tro bay (chưa tuyển)	25,31	02/01/2023	Không
9	Công ty TNHH XNK Đại Việt Quảng Ninh	Mua than cám, than cục Indonesia	8,04	02/01/2023	Không

(Nguồn: SCL)

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

Vị thế của Tổ chức phát hành

Công ty là đơn vị duy nhất tại thời điểm hiện tại trên lãnh thổ Việt Nam đang thực hiện sản xuất và phân phối sản phẩm tro bay đã qua xử lý (đáp ứng tiêu chuẩn đầu vào để sản xuất xi măng). Trên thị trường, các đơn vị cung cấp tro bay khác phần lớn chỉ là sản phẩm tro si của các nhà máy nhiệt điện, chưa qua quá trình xử lý chế biến, do vậy tiêu chuẩn chất lượng thấp hơn. Tuy nhiên, sản phẩm tro bay của Công ty chủ yếu được xuất khẩu, không tiêu thụ trong nước, ngoài ra các đơn vị cung cấp tro bay khác đều là đơn vị nhỏ, tro bay chủ yếu là thu trực tiếp từ lò nhiệt điện và bán lại, do vậy tính cạnh tranh về sản phẩm là khó so sánh. Với vị thế là đơn vị độc quyền sản phẩm tro bay chất lượng cao, Công ty có nhiều lợi thế cạnh tranh khi xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

Về các sản phẩm khác, chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu như gạch AAC, vữa khô, thạch cao... có thể kể đến các doanh nghiệp cũng sản xuất các sản phẩm trên như Viglacera, Eblock AAC, ... Năm 2023, Công ty hoàn thành nâng cấp công nghệ trộn vữa và tập trung nhiều hơn vào sản phẩm vữa các loại. Đây hứa hẹn sẽ là dòng sản phẩm đem lại nguồn thu lớn cho Công ty trong những năm tới.

Triển vọng phát triển của ngành

Trước năm 2009, tình trạng xi măng Việt Nam thiếu hụt nguồn cung thường xuyên xảy ra do năng lực sản xuất còn thấp trong khi nhu cầu liên tục tăng cao nhờ sự bùng nổ của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, việc mở rộng công suất lớn trong một thập kỷ tiếp theo cùng với sự suy thoái của lĩnh vực bất động sản từ năm 2010 - 2013 đã dẫn đến tình trạng dư cung xi măng trong nước. Cân bằng cung - cầu của ngành xi măng phụ thuộc lớn vào hoạt động xuất khẩu, do đó doanh thu và hiệu quả sinh lời của các doanh nghiệp nội địa chịu nhiều ảnh hưởng bởi khả năng thúc đẩy và duy trì sản lượng xuất khẩu. Mặt khác, Việt Nam là nhà sản xuất xi măng lớn thứ 5 thế giới và lớn nhất Đông Nam Á tính trên năng lực sản xuất (khoảng 120 triệu tấn/năm), thì năng lực sản xuất trên mỗi nhà máy vẫn chưa bằng một nửa so với các nhà máy của Thái Lan và Indonesia, chỉ đạt 2,1 triệu tấn/năm/nhà máy. Cụ thể, theo số liệu từ Hiệp hội Xi măng Việt Nam, công suất bình quân mỗi doanh nghiệp là 2,2 triệu tấn/năm - mức thấp nhất trong khu vực. Hiện tại, gần 70% dây chuyền sản xuất xi măng tại Việt Nam có công suất nhỏ hơn 1 triệu tấn/năm, chiếm khoảng 20% sản lượng toàn ngành.

Do là nguyên liệu trong quá trình sản xuất xi măng, triển vọng phát triển của ngành sản xuất tro bay là rất khả quan, tiềm năng này được đảm bảo bởi các yếu tố:

- **Nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng tăng:** Hiện nay, nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng ở nước ta rất lớn và ngày càng tăng theo sự phát triển của ngành Vật liệu xây dựng. Tiêu điểm đáng chú ý là dự án đường sắt tốc độ cao 350km/h Bắc - Nam được dự kiến khởi công trước năm 2030 với tổng vốn đầu tư lên đến 58,71 tỷ USD. Ngoài ra, dự án đầu tư 2 tuyến đường sắt kết nối cảng biển là Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Biên Hòa - Vũng Tàu vốn đầu tư khoảng 17 tỷ USD cũng có kế hoạch khởi công trước năm 2030. Ngoài ra, với những dự án đầu tư công lớn đã và đang triển khai như cao tốc Bắc - Nam, sân bay Long Thành, tàu cao tốc Bắc - Nam và đặc biệt là mở rộng xây dựng, hoàn thiện các đường Vành đai tại các tỉnh phía Nam sẽ giúp cho ngành xây dựng hạ tầng được hưởng lợi lớn trực tiếp. Do vậy các doanh nghiệp trong ngành này sẽ có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận khả quan trong các năm tới.
- **Chính sách bảo vệ môi trường:** Tiềm năng sử dụng các chất thải, phế thải công nghệ làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế cho sản xuất vật liệu xây dựng ở nước ta khá lớn, rất đa

dạng. Việc tăng cường sử dụng các chất thải, phế thải công nghiệp làm nguyên liệu thay thế trong sản xuất vật liệu xây dựng sẽ có ý nghĩa rất lớn về tiết kiệm tài nguyên khoáng sản không tái tạo và bảo vệ cảnh quan, môi trường...

- **Chính sách thúc đẩy phát triển:** Hiện tại, lượng tro xỉ nhiệt điện thải ra hàng năm ở nước ta khá lớn và vẫn tiếp tục tăng cùng với việc tăng thêm các nhà máy nhiệt điện than. Trong năm 2021 tổng lượng tro, xỉ phát thải từ các nhà máy nhiệt điện trên cả nước khoảng hơn 16 triệu tấn. Lượng phát thải tập trung chủ yếu ở khu vực miền Bắc (chiếm 64%), miền Trung (chiếm 25%) và miền Nam (chiếm 11%) tổng lượng thải. Tro bay nhiệt điện cùng với các chất thải công nghiệp khác đang tạo sức ép lên môi trường khiến cho môi trường ngày càng trở nên ô nhiễm. Vì vậy vấn đề tái sử dụng các chất thải công nghiệp đang được Nhà nước và toàn xã hội quan tâm. Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 452/QĐ-TTG ngày 12/04/2017, năm 2020 phải sử dụng khoảng 8 triệu tấn tro bay thay thế đất sét để sản xuất clanhke xi măng. Như vậy, việc tái sử dụng tro bay nhiệt điện làm nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng đã trở thành cấp bách, là nhiệm vụ của ngành sản xuất Vật liệu xây dựng và ngành Xây dựng.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty;
- Tiếp tục mở rộng thêm địa bàn hoạt động của Công ty trên toàn quốc;
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông sự kiện hỗ trợ cho công tác phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng;
- Duy trì và tạo dựng mối quan hệ tốt với các sở ban ngành, các đối tác để đẩy mạnh hoạt động bán hàng, phân phối sản phẩm, mở rộng thị trường, phạm vi hoạt động;
- Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu thị trường, đầu tư, mở rộng thêm các lĩnh vực kinh doanh mới khi có cơ hội;
- Triển khai phương án bán hàng có hiệu quả các sản phẩm mới;
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Định hướng phát triển ngành vật liệu xây dựng và vật liệu thế hệ mới trong xây dựng

Ngành Vật liệu xây dựng trong tương lai sẽ phải tăng cường nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất để giảm sức lao động, tăng năng suất lao động, đồng thời cho ra mắt những vật liệu mới thân thiện với môi trường và tiện ích hơn.

Ngày 18/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050. Chiến lược có 6 quan điểm chính nhằm

thúc đẩy ngành Vật liệu xây dựng phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới. Một trong số đó là tiếp cận và ứng dụng nhanh nhất các thành tựu khoa học, công nghệ, quản lý nhất trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất sẽ là chìa khóa để ngành Vật liệu xây dựng đạt được những mục tiêu quan trọng trong Chiến lược phát triển thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050. Đó là phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đạt trình độ tiên tiến, hiện đại; sản xuất được các sản phẩm có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước. Ngoài ra, ngành Vật liệu xây dựng còn phải loại bỏ hoàn toàn công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường. Nếu không nghiên cứu và áp dụng những công nghệ tiên tiến vào sản xuất thì ngành Vật liệu xây dựng sẽ rất khó đạt được 2 mục tiêu nêu trên.

Việc phát triển vật liệu xây dựng đòi hỏi phải áp dụng khoa học và công nghệ để giảm thiểu sử dụng tài nguyên khoáng sản, tối đa hóa sử dụng phụ phẩm công nghiệp, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và tạo ra các sản phẩm vật liệu xây dựng bền vững hơn. Điều này càng cần thiết hơn khi Việt Nam là một trong những quốc gia có sản lượng vật liệu xây dựng lớn nhất thế giới. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, tài nguyên khoáng sản không còn là lợi thế tuyệt đối với doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Lợi thế mới mà các doanh nghiệp cần nhanh chóng nắm lấy là ứng dụng thành công khoa học công nghệ vào sản xuất, tự động hóa để nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tạo ra các loại sản phẩm ngày càng có chất lượng cao hơn, mẫu mã cạnh tranh trên thị trường. Theo đánh giá của Viện Vật liệu xây dựng Việt Nam, việc ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất vật liệu xây dựng sẽ mang lại rất nhiều ưu điểm như dễ dàng giám sát hoạt động của máy móc trong dây chuyền; giảm nhân công, tăng đầu tư vào công nghệ; tăng năng suất lao động; nhanh chóng thu hồi vốn đầu tư; dễ dàng lên kế hoạch bảo dưỡng và thay thế vật tư, sắp xếp phương án dự trù hay tính toán được thời gian làm việc của cả dây chuyền sản xuất. Nhưng việc ứng dụng công nghệ tiên tiến sẽ đòi hỏi chi phí đầu tư cao hơn và người lao động cũng phải nâng cao năng lực để có thể giám sát hệ thống sản xuất mới, đảm bảo dây chuyền hoạt động ổn định.

Từ năm 2015, Bộ Xây dựng và Bộ Khoa học & Công nghệ đã ký kết chương trình phối hợp nhằm đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong ngành Xây dựng. Sau đó, các viện nghiên cứu, trường đại học và cả doanh nghiệp đều nỗ lực tham gia nghiên cứu để thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ vào thực tiễn sản xuất trong ngành Xây dựng nói chung và ngành Vật liệu xây dựng nói riêng.

Báo cáo của Bộ Xây dựng cũng cho biết, Việt Nam đã có một số sản phẩm vật liệu xây dựng áp dụng tiến bộ của khoa học công nghệ mới tạo dựng được thương hiệu và chất lượng ở trong nước lẫn quốc tế. Ví dụ như kính tiết kiệm năng lượng low-e, gạch bê tông siêu nhẹ AAC, thanh polyme cốt sợi thủy tinh chống ăn mòn, dùng cho các công trình ven biển, xốp cách nhiệt, tấm lợp sinh thái, sơn thích ứng biến đổi khí hậu...

Đặc biệt, các doanh nghiệp lớn như Viglacera, Eurowindow, Hòa Phát... đều rất tích cực trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất để cho ra đời các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Nhiều chuyên gia đã dự báo, một số lĩnh vực vật liệu xây dựng ứng dụng công nghệ sẽ phát triển rất nhanh trong thời gian tới như vật liệu cho kết cấu tập trung theo hướng những loại vật liệu bền, thiết kế mô hình cấu kiện vật liệu, lắp ghép, thi công thuận tiện; vật liệu bao che nhẹ, cách âm, cách nhiệt, chống thấm nước, thi công, lắp ghép nhanh; vật liệu trang trí, hoàn thiện áp thụ tia UV hoặc phản xạ tia UV cho ánh sáng trắng truyền quang.

Về định hướng phát triển trong tương lai, trong thời gian tới, ngành Vật liệu xây dựng cần phải tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhằm giảm chi phí đồng bộ các khâu từ giao dịch, vận chuyển để hạ giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, triển khai các hướng nghiên cứu khoa học công nghệ mũi nhọn, vật liệu mới, xây dựng đô thị thông minh gắn với sử dụng vật liệu thông minh... cùng với đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ khiến việc nghiên cứu, sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng thông minh, vật liệu xanh trở thành xu thế tất yếu, không thể tách rời quá trình phát triển kinh tế – xã hội. Từ đó, ngành Vật liệu xây dựng sẽ đóng vai trò rất quan trọng đối với nhiệm vụ xây dựng các đô thị thông minh, đô thị xanh. Đặc biệt, để đáp ứng yêu cầu tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, ngành Vật liệu xây dựng sẽ nghiên cứu và ứng dụng công nghệ để tăng cường sử dụng phế thải, phế liệu trong sản xuất. Hướng đi mới này sẽ là yếu tố quan trọng giúp ngành Vật liệu xây dựng phát triển bền vững trong tương lai.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

10.8. Hoạt động Marketing

Chiến lược phân phối sản phẩm

Hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty được thực hiện qua 03 kênh chính:

- Kênh phân phối sản phẩm qua hệ thống các nhà phân phối: Hiện nay Công ty có trên dưới 100 nhà phân phối lớn nhỏ trên toàn quốc, hệ thống nhà phân phối chủ yếu tập trung vào các sản

phẩm keo dán gạch đá, gạch nhẹ và tấm panel. Thị trường chính tập trung ở những thành phố lớn tại miền bắc như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng.

- Kênh dự án: Công ty đang triển khai một loạt những dự án lớn trong nước và nước ngoài, sản phẩm chủ yếu là tro bay khô, gạch, panel... Hiện tại Công ty đang cung cấp tro bay cho dự án Năm Săm 3 tại Lào, bán tro bay khô cho tập đoàn xi măng tại thị trường Philippine, dự án của Vin.

- Kênh bán lẻ: Tập trung vào khách hàng là những cá nhân, gia đình có nhu cầu sử dụng sản phẩm của Công ty, chủ yếu là các sản phẩm keo, vữa, gạch phục vụ xây dựng nhà ở của các gia đình.

Chiến lược phát triển kênh phân phối

- Nâng cao năng lực, phát triển các sản phẩm mới tạo thêm nguồn hàng để phát triển thêm các tổng đại lý nhằm mở rộng thị trường.

- Duy trì, phát triển mối quan hệ với các cơ quan ban ngành, các chủ đầu tư, nhà thầu, nhà sản xuất xi măng nhằm đa dạng hóa kênh phân phối của Công ty.

- Tận dụng tối đa năng lực phân phối của các tổ chức; tham gia tích cực vào các chương trình môi trường xã hội nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của Công ty

Chiến lược sản phẩm

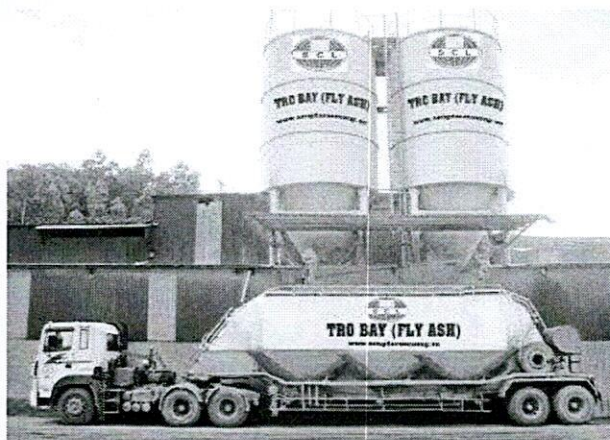
Công ty luôn tâm niệm chất lượng là trên hết nhằm cung cấp các sản phẩm có chất lượng ra thị trường với giá cả phù hợp cho khách hàng. Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng trong công tác đầu tư nghiên cứu, cải tiến các sản phẩm với mục đích nâng cao tính năng sử dụng, phù hợp các yêu cầu mới, cũng như góp phần giảm giá thành sản xuất nhằm gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

Thị trường tiêu thụ

Thị trường chủ yếu của Công ty hiện nay chủ yếu là nước ngoài, tuy nhiên, với xu thế phát triển của ngành vật liệu xây dựng thế hệ mới, Công ty đang tích cực thực hiện các hoạt động quảng bá để phát triển thị trường trong nước.

Marketing

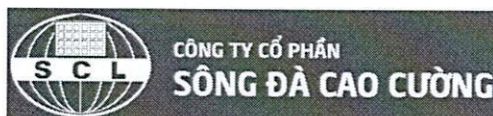
Công ty thiết lập trang web để giới thiệu sản phẩm và quảng bá hình ảnh, hoạt động đến với người tiêu dùng với địa chỉ là www.songdacaocuong.vn Các sản phẩm của Công ty phong phú về chủng loại, chất lượng đạt theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm cung cấp đến người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng với giá cả phù hợp.



Ngoài ra, Công ty cũng đã đưa vào vận hành hệ thống nhận diện thương hiệu toàn Công ty kèm với việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông cho công tác phát triển thương hiệu và xúc tiến bán hàng, tạo nền tảng cho thương hiệu Công ty trở nên quen thuộc với người tiêu dùng và giới điều trị, góp phần vào sự phát triển của Công ty.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- Logo Công ty đang sử dụng



Logo Công ty đã được đăng ký sở hữu trí tuệ tại Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Giấy chứng nhận số: 285585.

Logo mới được thiết kế với biểu tượng chữ SCL với màu đỏ, trên nền địa cầu màu xanh, có ý nghĩa thể hiện sức khỏe, tươi mát và thân thiện với môi trường, là màu được dùng trong logo liên quan tới các ngành sản xuất có yếu tố môi trường.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

- Chính sách nghiên cứu và phát triển gắn với phát triển sản phẩm mới theo các định hướng chiến lược về thị trường;
- Đổi mới, phát triển sản phẩm, đa dạng hoá tập trung đòi hỏi phải phát triển thành công sản phẩm mới và cải tiến đáng kể sản phẩm cũ.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Duy trì sự tăng trưởng nhanh, ổn định và bền vững bằng việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng;
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp tiên tiến, đặc trưng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực gắn với hiệu quả kinh doanh, lấy năng suất và chất lượng công việc làm thước đo đánh giá kết quả hoạt động;

- Áp dụng các công nghệ mới, khuyến khích việc sáng tạo và đổi mới trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Mở rộng và tăng cường hợp tác đối với các đơn vị trong nước và quốc tế để cùng nhau nắm bắt cơ hội, cùng phát triển;
- Đoàn kết và hợp tác tích cực giữa các đơn vị thành viên để phát huy sức mạnh tập thể và nâng cao năng suất hoạt động của các thành viên.

Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Để thực hiện các chiến lược kinh doanh, Công ty sẽ thực hiện huy động nguồn vốn từ việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, vay vốn các tổ chức tín dụng, các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác. Tùy vào tình hình thực tế tại từng thời điểm, Công ty có thể cân nhắc tuyển dụng thêm nhân sự vào các vị trí công việc phù hợp

Kế hoạch kinh doanh

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Mở rộng địa bàn hoạt động của Công ty trên cả ba miền Bắc – Trung – Nam;
- Tập trung triển khai các dự án đang triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án theo kế hoạch đã đề ra;
- Tiếp tục đầu tư, mở rộng các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư vào các dự án mới sắp triển khai;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên trong Công ty, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn, cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật tham gia các khóa đào tạo ở nước ngoài;
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Quản lý tốt chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả kinh doanh;
- Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động

Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;

- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, đã được Sở khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và Công nghệ số 01/2014/DNKHCN; Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.

- Về sản xuất tro bay, sản phẩm của Công ty đạt quy chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn ASTM – C618 của Mỹ, phù hợp quy chuẩn TCVN 10302:2014.

11. Chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 273 người.

Bảng 9 - Tình hình lao động của Công ty

Tiêu chí	Bình quân trong 2 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán	Tại thời điểm 31/12/2023
TỔNG SỐ LƯỢNG	188	273
I. Phân theo trình độ học vấn		
• Trình độ trên đại học	5	3
• Trình độ đại học	30	39
• Trình độ cao đẳng, trung cấp	19,5	29
• Sơ cấp, trung cấp	50,5	86
• Khác	83	116
II. Phân theo thời hạn		
• LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0
• Hợp đồng dài hạn	184	270
• Hợp đồng ngắn hạn	4	3

(Nguồn: SCL)

Chính sách đối với người lao động:

Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.
- Nghỉ phép, lễ, tết: CBNV được nghỉ lễ, tết theo đúng quy định của Nhà nước.
- Nghỉ ốm, thai sản: CBNV khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

- Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho CBNV làm việc, trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết để CBNV làm việc hiệu quả nhất. Ngoài ra, CBNV làm việc thi công, sản xuất phải thực hiện nghiêm túc Quy trình Kỹ thuật An toàn Lao động, các CBNV khác phải tuân thủ nguyên tắc, các quy trình nghiệp vụ của mỗi phòng ban.

Chính sách đào tạo:

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty đặc biệt quan tâm. CBNV phải tuân thủ theo Quy chế Đào tạo và hàng năm, kế hoạch đào tạo phải được xây dựng để trình cấp lãnh đạo phê duyệt.

Chính sách tuyển dụng:

Tùy theo từng vị trí tuyển dụng và căn cứ vào chức danh công việc, Công ty có yêu cầu riêng về tiêu chuẩn, điều kiện, trình độ chuyên môn, tay nghề, kinh nghiệm và việc tuyển dụng thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn của Công ty và theo quy định của pháp luật.

Chính sách đánh giá, thăng tiến và phát triển:

Mọi CBNV phải tham gia đánh giá mức độ hoàn thành công việc của mình trong năm theo quy trình. Kết quả đánh giá là yếu tố quan trọng để xem xét việc tăng lương, thưởng, khả năng thăng tiến cũng như hạ cấp hoặc thôi việc của CBNV,

Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực. Những CBNV có khả năng làm việc tốt, có khả năng thích ứng và đầy đủ các tố chất và tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty đều có cơ hội thăng tiến theo cấp bậc nghề nghiệp hoặc cấp bậc quản lý của Công ty.

Hàng năm Công ty có quy hoạch và đề bạt những cá nhân có năng lực vào những vị trí quản lý của Công ty.

Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho CBNV yên tâm công tác, gắn bó lâu dài, vì vậy chính sách đãi ngộ luôn được Công ty xem trọng và liên tục hoàn thiện.

CBNV được hưởng 13 tháng lương/năm. Trong những năm qua nhằm thu hút người lao động có năng lực về làm việc cho Công ty, Công ty đã áp dụng chính sách xếp lương và nâng lương trước thời hạn cho người lao động có năng lực làm việc giỏi, đem lại lợi nhuận cao cho Công ty.

CBNV được hưởng các loại trợ cấp và phụ cấp như: tiền ăn ca, lương năng suất lao động tháng đối với cấp nhân viên và năng suất lao động năm đối với cấp quản lý. Ngoài ra, CBNV còn được hưởng các loại trợ cấp bằng cấp, công tác phí, chức danh, kiêm nhiệm công tác... tùy từng chức danh.

Công ty mua đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định cho CBNV.

Chính sách phúc lợi:

Đối với người lao động đã làm việc tại Công ty trước khi nghỉ hưu, Công ty tổ chức cho người lao động đi du lịch với chi phí công ty chi trả.

Đối với người lao động đang làm việc và con của người lao động đang làm việc, vào các dịp lễ tết, các ngày kỷ niệm trong năm, Công ty đều tổ chức và tặng quà cho người lao động và con của người lao động đang làm việc.

Mức thu nhập bình quân:

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động ổn định đều qua các năm, thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2021 là 11,6 triệu/người/tháng, thu nhập bình quân cả năm 2022 là: 10,8 triệu/người/tháng, thu nhập bình quân năm 2023 là 12,5 triệu/người/tháng.

12. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh hàng năm có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Năm 2019, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu.

Năm 2020, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu.

Năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu như sau:

- Trả cổ tức bằng tiền: Tỷ lệ 10%, thời gian thực hiện: 09/07/2021.

Năm 2022, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu như sau:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu: Tỷ lệ 10%, thời gian thực hiện: 27/07/2022.

Năm 2023, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu như sau:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu: Tỷ lệ 08%, thời gian thực hiện: 15/12/2023.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2021 số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Tờ trình số 498/TTr-HĐQT ngày 29 tháng 11 năm 2021 như sau:

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán 1.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và số tiền thu được từ việc phát hành 500.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) là 20.000.000.000 đồng được sử dụng để bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (đồng)
1	Mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất	10.000.000.000
2	Trả nợ vay ngân hàng	10.000.000.000
Tổng cộng		20.000.000.000

Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền 20.000.000.000 đồng thu được từ phát hành cổ phiếu, như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền dự kiến theo phương án sử dụng (đồng)	Số tiền thực tế sử dụng (đồng)
I	Mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất	10.000.000.000	9.988.154.238
1	- Thanh toán tiền cước vận chuyển	9.008.546.052	9.008.546.052
2	- Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	991.453.948	979.608.186
II	Trả nợ vay ngân hàng	10.000.000.000	10.000.000.000
III	Thanh toán chi phí phát hành cổ phiếu	-	45.000.000
Tổng (*)		20.000.000.000	20.033.154.238

(*) Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường đã chi tổng số tiền là 20.033.154.238 đồng, chi vượt quá số tiền thu từ phát hành cổ phiếu là 33.154.238 đồng. Số tiền chi vượt số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu phổ thông được bù đắp bằng nguồn tài chính khác của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.

Tổng số tiền 20.000.000.000 đồng thu được từ phát hành cổ phiếu đã được Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường sử dụng chi tiết như sau:

Bảng 10 - Thông tin sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

STT	Chứng từ		Nội dung	Số tiền (đồng)
	Ngày	Số		
I	Mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất			9.988.154.238
I.1	Thanh toán tiền cước vận chuyển			9.008.546.052
1	28/10/2022	BN10/0095	Thanh toán tiền cước vận chuyển tro bay khô từ CPL - Hòn Gai tháng 2 (Công ty TNHH Trịnh Xuân)	1.209.575.052
2	28/10/2022	BN10/0097	Thanh toán tiền cước vận chuyển tro bay khô từ Phả Lại - Nậm Sầm tháng 1 (Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiếp)	4.402.741.000
3	08/12/2022	BN12/0030	Thanh toán cước vận chuyển tro bay khô từ Phả Lại - Nậm Sầm tháng 10 (Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiếp)	3.396.230.000
I.2	Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu			979.608.186
1	28/10/2022	BN10/0096	Thanh toán tiền tro bay (chưa tuyển) tháng 2 (Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Trường Sơn)	152.775.952
2	08/11/2022	BN11/0027	Thanh toán tiền tro bay (chưa tuyển) tháng 2 (Công ty TNHH Đức Thành Long)	338.677.996

3	29/11/2022	BN11/0096	Thanh toán tiền mua tro bay (chưa tuyển) tháng 9 (Công ty TNHH Đức Thành Long)	145.419.462
4	21/12/2022	BN12/0081	Thanh toán tiền tro bay (chưa tuyển) (Công ty TNHH Đức Thành Long)	330.980.098
5	21/12/2022	BN12/0082	Thanh toán tiền tro bay (chưa tuyển) (Công ty TNHH Đức Thành Long)	11.754.678
II	Trả nợ vay ngân hàng			10.000.000.000
1	28/10/2022	BN10/0094	Trả gốc tiền vay ngân hàng BIDV	2.503.449.091
2	11/11/2022	BN11/0028	Trả gốc tiền vay ngân hàng BIDV	357.432.985
3	11/11/2022	BN11/0029	Trả gốc tiền vay ngân hàng BIDV	328.561.415
4	11/11/2022	BN11/0030	Trả gốc tiền vay ngân hàng BIDV	250.000.000
5	11/11/2022	BN11/0031	Trả gốc tiền vay ngân hàng BIDV	445.500.000
6	11/11/2022	BN11/0032	Trả gốc tiền vay ngân hàng BIDV	2.087.909.308
7	17/11/2022	BN11/0052	Trả gốc tiền vay ngân hàng BIDV	1.277.149.624
8	17/11/2022	BN11/0054	Trả gốc tiền vay ngân hàng BIDV	1.462.681.186
9	17/11/2022	BN11/0056	Trả gốc tiền vay ngân hàng BIDV	158.242.386
10	08/12/2022	BN12/0038	Trả gốc tiền vay ngân hàng BIDV	1.129.074.005
III	Chi phí phát hành cổ phiếu			45.000.000
1	29/06/2022	KT06/0026	Chi phí đăng thông tin trên Tạp chí tài chính Doanh nghiệp tháng 6/2022 về cổ phiếu	10.000.000
2	27/07/2022	PC07/0038	Chi phí lệ phí cấp giấy chứng nhận chào bán, phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng 2022	5.000.000
3	31/10/2022	KT10/0059	Chi phí kiểm toán về Tăng vốn điều lệ Công ty	30.000.000
Tổng cộng				20.033.154.238

(Nguồn: SCL)

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán – Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt:

Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán thu được từ phát hành 3.388.997 cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2021 cho giao đoạn từ ngày 15 tháng 09 năm 2022 đến ngày 21 tháng 12 năm 2022:

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành 3.388.997 cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2021 cho giao đoạn từ ngày 15 tháng 09 năm 2022 đến ngày 21 tháng 12 năm 2022 kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn thu được, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn”.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường đã có công văn gửi UBCKNN cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**1. Kết quả hoạt động kinh doanh****1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất****Bảng 11 - Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng giá trị tài sản	284.811	341.268	472.827
Doanh thu thuần	310.888	338.735	473.477
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.313	17.119	57.108
Lợi nhuận khác	18.757	1.508	847
Lợi nhuận trước thuế	23.070	18.628	57.955
Lợi nhuận sau thuế	20.387	15.968	45.246
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	63,20	75,18	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	10	8	-

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021; BCTC đã kiểm toán năm 2022; BCTC cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 của SCL)

Trong năm 2022, doanh thu công ty có sự tăng trưởng tuy nhiên lợi nhuận công ty giảm nhẹ so với năm 2021. Nhìn chung năm 2022 là năm đầu tiên hoạt động trở lại sau dịch bệnh Covid 19 thì công ty đã có bước khởi đầu khá tốt khi đạt Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là 17,119 tỷ tương đương tăng 296,92% so với năm 2021. Lợi nhuận khác năm 2022 không phát sinh nhiều và giảm đáng kể so với năm trước nguyên nhân do năm 2021 công ty được nhận khoản hỗ trợ do dịch Covid 19 từ đối tác Sinohydro Corporation Limited với giá trị 6 USD/tấn hàng và đến năm 2022 tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát nên Công ty không nhận thêm khoản hỗ trợ nào khác. Tổng kết cả năm 2022 thì Lợi nhuận trước thuế Công ty đạt 18,628 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế là 15,986 tỷ đồng.

Sang năm 2023, Công ty tiếp tục đà phát triển khi đạt Lợi nhuận thuần là 57,108 tỷ đồng, cao hơn cả năm 2022. Đây là tín hiệu đáng tích cực cho thấy sự hồi phục và phát triển mạnh mẽ của Công ty sau dịch bệnh.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

a. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 – 2023

Thuận lợi:

- Sự lãnh đạo thống nhất trong Công ty, sự năng động sáng tạo và quyết tâm của HĐQT, Ban TGD, của cán bộ công nhân viên toàn Công ty đã đoàn kết nỗ lực phấn đấu tháo gỡ khó khăn;
- Về sản phẩm: Từ một sản phẩm tro bay khi thành lập, đến nay công ty đã có nhiều loại sản phẩm mới đa dạng, tuần hoàn khép kín với nhiều tính năng ưu điểm vượt trội trong lĩnh vực xây dựng. Năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc nâng cấp công nghệ trộn vữa nhằm cung cấp sản phẩm vữa chất lượng cao với số lượng lớn hơn, mở ra thị trường mới cho Công ty;
- Về năng lực sản xuất: Qua quá trình đầu tư cải tạo, Công ty có nhà máy sản xuất tro bay, thạch cao nhân tạo, gạch, tấm panel nhẹ chung áp, keo dán, vữa khô, bột bả với chất lượng ngày càng tốt hơn, sản lượng lớn, giá thành cạnh tranh đảm bảo yêu cầu các hợp đồng đã ký với các đối tác khách hàng trong nước và xuất khẩu ..., nâng cao năng lực tiếp tục phát triển thị trường trong nước và thế giới;
- Về thị trường: Từ việc chỉ sản xuất tro để cung cấp cho các dự án thủy điện trong nước, đến nay công ty đã phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ các loại sản phẩm trên phạm vi toàn quốc và xuất khẩu đi các nước trên thế giới, xây dựng được uy tín thương hiệu ngày càng tốt trên thị trường, ký kết được các hợp đồng với các đối tác trong và ngoài nước với sản lượng lớn thời hạn dài đảm bảo cho công tác đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững;

- Về khoa học công nghệ: Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân và nhà khoa học có tâm huyết, trình độ chuyên sâu, làm chủ được công nghệ sản xuất, nên hoàn toàn chủ động trong việc đổi mới và cải tạo công nghệ, tiết kiệm chi phí cho Công ty; Năm qua, Công ty đã chủ động đầu tư xây dựng công trình nhà mẫu xây dựng bằng các sản phẩm do Công ty sản xuất như: gạch nhẹ, tấm panel nhẹ, vữa xây dựng, keo dán gạch đá, bột bả, ...; đảm bảo thi công nhanh, giá thành hạ; với nhiều tính ưu việt như: Trọng lượng nhẹ, cách âm, cách nhiệt, chống cháy ...; để từ đó tổng kết đánh giá đưa ra giải pháp tối ưu nhằm triển khai đồng loạt trong thời gian tới.

Khó khăn:

- Việc phát triển thị trường gạch nhẹ, panel, keo dán, vữa khô... còn gặp rất nhiều khó khăn do thói quen sử dụng, sự vào cuộc của Nhà nước còn chưa quyết liệt, chính sách ưu đãi còn hạn chế;

- Sản phẩm tro bay cung cấp cho các công trình xây dựng các đập thủy điện, thủy lợi có xu hướng giảm dần; Việc thu mua tro xi khó khăn hơn do có nhiều đơn vị thu mua; hoạt động của các nhà máy nhiệt điện chạy than bị giảm tải, theo đó lượng tro xi cũng giảm. Mặt khác do cự ly vận chuyển thu mua xa, cước vận tải cao nên ảnh hưởng về giá tro bay đầu vào;

- Hạ tầng, máy móc thiết bị liên tục phải cải tiến đổi mới thay thế để đáp ứng được năng suất, chất lượng, giá thành và môi trường kéo theo áp lực về tài chính, kinh phí cho khoa học công nghệ, nguồn nhân lực có trình độ, ...;

- Dự án xử lý tro xi tại Vĩnh Tân, Bình Thuận đã hoàn tất thủ tục pháp lý, Công ty đã tiến hành khởi công và triển khai xây dựng các hạng mục theo như kế hoạch đã được phê duyệt;

- Tình hình chiến tranh trên thế giới và dịch bệnh có ảnh hưởng lớn đến giá cả nguyên nhiên vật liệu trong nước, khu vực và thế giới.

b. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

- Trong trường hợp tình hình địa chính trị trên thế giới tiếp tục diễn ra căng thẳng có thể dẫn đến việc giá nguyên vật liệu và giá năng lượng khác tăng cao gây bất lợi cho hoạt động của Công ty.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 12 - Tình hình vốn chủ sở hữu năm 2021, năm 2022 và năm 2023

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Nguồn vốn	Thời điểm		
		31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
1	Vốn cổ phần đã phát hành	138.900	172.789	186.609
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	138.900	172.789	186.609
	- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	4.805	4.805	4.805
3	Quỹ đầu tư phát triển	11.810	12.909	13.707
4	Lợi nhuận chưa phân phối	21.978	18.386	51.003
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	1.591	2.419	5.757
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	20.387	15.968	45.245
5	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-
Tổng cộng		177.492	208.889	256.124

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021; BCTC đã kiểm toán năm 2022; BCTC cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 của SCL)

b. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Khi tài sản cố định được bày bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

c. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân cán bộ công nhân viên Công ty năm 2021 là 11,6 triệu/người/tháng, năm 2022 là 10,8 triệu/người/tháng và năm 2023 là 15,5 triệu/người/tháng. So với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp cùng ngành nghề trên cùng địa bàn, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là tốt.

d. Tình hình công nợ

Các khoản phải thu:

Bảng 13 - Tình hình các khoản phải thu

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
I.	Phải thu ngắn hạn	76.459	57.824	143.630

1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	57.472	30.729	104.982
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.328	13.719	22.775
3.	Phải thu ngắn hạn khác	18.715	19.432	18.525
4.	Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(6.056)	(6.056)	(2.652)
II.	Phải thu dài hạn	-	7.683	2.652
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	7.683	2.562
Tổng cộng		76.459	65.507	146.282

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021; BCTC đã kiểm toán năm 2022; BCTC cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 của SCL)

(*) Công ty không có các khoản thu quá hạn.

Các khoản phải trả:

Bảng 14 - Tình hình các khoản phải trả

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
I.	Nợ ngắn hạn	107.319	132.379	167.603
1	Phải trả người bán ngắn hạn	38.286	45.667	42.456
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	316	121	170
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	605	2.705	12.225
4	Phải trả người lao động	3.311	2.164	5.767
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	31	82	247
6	Phải trả ngắn hạn khác	19.960	19.091	19.063
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	41.177	57.100	82.873
8	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.632	5.448	4.803
II.	Nợ dài hạn	-	-	49.089
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	49.089
Tổng cộng		107.287	132.379	216.692

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021; BCTC đã kiểm toán năm 2022; BCTC cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 của SCL)

e. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, 2022 và Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 của SCL, kể từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản vay bao gồm cả gốc và lãi. Hiện nay, công ty đang được các ngân hàng đánh giá và xếp hạng tín nhiệm rất cao về khả năng thanh toán lãi và vốn vay của mình. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng.

f. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp của Công ty luôn được Công ty thực hiện tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Bảng 15 - Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm		
	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
Thuế TNDN	560.400.159	2.660.385.231	12.200.736.656
Thuế TNCN	44.220.672	44.844.472	22.287.453
Thuế khác	-	-	-
Tổng cộng	604.620.831	2.705.229.703	12.223.024.109

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021; BCTC đã kiểm toán năm 2022; BCTC cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 của SCL)

g. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bảng 16 - Tình hình trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
Quỹ đầu tư phát triển	11.810	12.909	13.707
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.632	5.448	4.803
Tổng cộng	4.868	18.357	18.510

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021; BCTC đã kiểm toán năm 2022; BCTC cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 của SCL)

h. Tổng dư nợ vay**Bảng 17 - Tình hình dư nợ vay của Công ty qua các năm**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/12/2023	
	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn
1. Vay và nợ ngắn hạn	41.177	-	57.100	-	82.873	-
- Ngân hàng BIDV – CN Bắc Hải Dương	41.177	-	57.100	-	82.873	-
2. Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-	49.089	-
- Ngân hàng BIDV – CN Bắc Hải Dương	-	-	-	-	49.089	-
Tổng cộng	41.177	-	57.100	-	131.962	-

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021; BCTC đã kiểm toán năm 2022; BCTC cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 của SCL)

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn. Công ty không có dư nợ bảo lãnh.

i. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18 - Các chỉ tiêu tài chính năm 2021, 2022, 2023

Các chỉ tiêu	ĐVT	Thời điểm		
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,19	1,24	1,11
- Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,00	1,04	0,99
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,38	0,39	0,46
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,60	0,63	0,85
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,07	1,08	1,16
- Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Vòng	2,40	2,32	2,69
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	8,93	7,33	12,65
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): LNST/Doanh thu thuần	%	6,56	4,71	9,56
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): LNST/ Tổng tài sản bình quân	%	7,03	5,10	11,12
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE): LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,56	8,27	19,46
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,39	5,05	12,06
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND/cổ phần	1.468	924	242

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021; BCTC đã kiểm toán năm 2022; BCTC cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 của SCL)

a. Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng thanh khoản của doanh nghiệp, là chỉ tiêu để Công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn, đảm bảo không rơi vào tình trạng tài chính kiệt quệ. Các hệ số thanh toán của Công ty ở mức sát 1, cho thấy khả năng thanh toán ở mức ổn định. Cụ thể năm 2023, Hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty là 1,11 và Hệ số thanh toán nhanh là 0,99.

b. Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản của Công ty duy trì ở mức ổn định qua các năm, cho thấy hiện trạng hoạt động của Công ty không quá phụ thuộc vào các khoản nợ, mà chỉ duy trì ở mức an toàn để tối ưu hóa lợi nhuận, đồng thời tận dụng được các đòn bẩy tài chính. Đến hết năm 2023 Hệ số cơ cấu vốn có biến động tăng so với năm 2022 (cụ thể Hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 0,39 lên 0,46 và Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu tăng từ 0,63 lên 0,85) đến từ việc phát sinh thêm khoản vay dài hạn tại ngân hàng BIDV năm 2023 để đầu tư dự án Xây dựng hệ thống kho chứa hàng và xuất hàng tại cảng Vĩnh Tân.

c. Năng lực hoạt động

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty đạt 7,33 vào năm 2022 và đạt mức 12,65 vào năm 2023 đây là mức ổn định và hợp lý đối với doanh nghiệp sản xuất, tuy nhiên tính chất sản phẩm đầu vào và đầu ra được chuyển đổi trong thời gian không dài, sản lượng lớn đòi hỏi thời gian lưu kho, vận chuyển dẫn đến thời gian quay vòng vốn bị ảnh hưởng.

Vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn lưu động cũng duy trì ở mức ổn định, phù hợp với tính chất doanh nghiệp sản xuất. Tính đến hết năm 2023, Vòng quay tổng tài sản là 1,16 so với mức 1,08 năm 2022, Vòng quay vốn lưu động năm 2022 là 2,32 và năm 2023 là 2,69. Sự thay đổi không lớn, cho thấy hoạt động của Công ty ổn định và không có những bất thường đáng chú ý.

d. Khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời của Công ty tính đến hết năm 2023 đều có xu hướng tăng so với năm 2022 và năm 2021, cụ thể ROE đạt 19,46% và ROA đạt 11,12%. Trong năm 2021, Công ty có phát sinh lớn từ lợi nhuận khác đến từ khoản hỗ trợ do dịch Covid 19 từ đối tác Sinohydro Corporation Limited với giá trị 6 USD/tấn hàng và từ năm 2022 tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát nên Công ty không nhận thêm khoản hỗ trợ nào khác. Nhìn chung các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đã cải thiện khá tốt ở năm 2023.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 – Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam**

“..Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”

• **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 – Công ty TNHH PKF Việt Nam**

“..xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả kinh doanh tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2024

Bảng 19 - Kế hoạch doanh thu lợi nhuận và cổ tức năm 2024

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Năm 2024	
			Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Triệu đồng)	338.735	473.477	1.196.217	152,6
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	15.968	45.246	92.892	105,3
Lợi nhuận sau thuế/DTT (%)	4,71	9,56	7,77	(18,8)
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	7,64	19,46	24,51	25,95
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	8	-	-	-

Ghi chú: KHKD năm 2024 là dự kiến, HĐQT đã phê duyệt để trình ĐGDĐCD thông qua vào kỳ họp ĐHĐCD thường niên năm 2024 sắp tới
Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Căn cứ vào triển vọng phát triển của ngành vật liệu xây dựng. Việt Nam là một quốc gia đông dân, và dân số ngày càng già hóa (từ 2019 – 2029) sẽ tăng thêm hơn 20 triệu người trong độ tuổi 60+, tầng lớp trung lưu và giàu có tăng nên nhu cầu về cơ sở hạ tầng ngày càng tăng cao, sẽ góp phần thúc đẩy doanh thu, lợi nhuận cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nói chung và SCL nói riêng.

Căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2021 - 2023. Bước sang năm 2022 thế giới vừa kết thúc đại dịch Covid, nền kinh tế còn đang thâm đôn sau dịch bệnh, đây là thời điểm các công ty bắt đầu khởi động lại hoạt động sản xuất kinh doanh sau thời kỳ suy thoái dài. Mặc dù vậy, năm 2022, doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đạt khả quan và thậm trí còn trở lại mạnh mẽ. Sang năm 2023, tình hình dịch bệnh Covid-19 cũng đã được kiểm soát hoàn toàn, Công ty cũng hoàn thành việc nâng cấp công nghệ làm vữa và tập trung hơn vào các sản phẩm gạch, vữa các loại giúp doanh thu công ty gia tăng đáng kể. Trong năm 2023, công ty tiếp tục mở rộng mở rộng sản xuất và gia tăng chủng loại sản phẩm (như sản phẩm thạch cao nhân tạo, gạch nhẹ chung áp AAC, sản phẩm vữa các loại) cùng với việc củng cố sản lượng sản xuất và doanh số bán hàng của các sản phẩm chủ lực truyền thống (như tro bay) và mở rộng phát triển mới các sản phẩm về vữa các loại, doanh thu của Công ty tăng trưởng khả quan. Công ty đặt ra Kế hoạch kinh doanh với một số mục tiêu cụ thể như sau:

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh của công ty;
- Tiếp tục đầu tư, mở rộng các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư vào dự án mới sắp triển khai;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên trong công ty, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn;
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Quản lý tốt chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Căn cứ vào các hợp đồng bán hàng mà Công ty đã ký kết tính đến thời điểm hiện tại và các hợp đồng dự kiến triển khai, dự tính sẽ mang lại nguồn doanh thu cho Công ty trong năm 2024. Vì vậy, Công ty tin tưởng vào kế hoạch doanh thu của cả năm 2024 là hoàn toàn có thể đạt được.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC/PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 17/04/2007 theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0403000572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/04/2007. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Hiện công ty không còn cổ đông sáng lập.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 20 - Danh sách cổ đông lớn SCL tại ngày 15/12/2022

STT	Tên	Năm sinh	Quốc tịch	Nơi đăng ký HKTT đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Kiều Văn Mát	25/08/1969	Việt Nam	Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	2.205.631	22.056.310.000	11,82
2	Kiều Thị Nhung	02/02/1981	Việt Nam	Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương	1.411.166	14.111.660.000	7,56
3	Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường (*)	GCNĐKKD số: 0800263713 Hải Dương cấp lại lần 12 ngày 20/03/2023	Việt Nam	Km 28 + 500m, Quốc lộ 18, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	2.390.090	23.900.900.000	12,81

(Nguồn: SCL)

(*) Công ty cổ phần dịch vụ Cao Cường: Thành lập ngày 13/05/2002; Vốn điều lệ: 90 tỷ VNĐ; Người đại diện pháp luật: Tổng giám đốc Kiều Anh Phong sinh ngày 26/07/1986 số Thẻ căn cước công dân: 022086001899 cấp ngày 30/12/2016 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, thường trú tại số 07 Phố Lục Đầu Giang – phường Phả Lại – TP Chí Linh – tỉnh Hải Dương; Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông lớn tại SCL: Ông Kiều Văn Mát (hiện sở hữu 2.205.631 cổ phần SCL).

Bảng 21 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn – Kiều Văn Mát

STT	Tên	Chức vụ tại Công ty/ mối quan hệ của NLQ với CĐL	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
			Tại ngày trở thành cổ đông lớn: 16/05/2012			Tại thời điểm hiện tại			Dự kiến sau phát hành		
1	Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT	825.500	825.500	9,17	2.205.631	2.205.631	11,82	2.560.217	2.560.217	11,82
1.1	Kiều Quang Vọng	Anh	32.000	32.000	0,35	50.514	50.514	0,27	58.634	58.634	0,27
1.2	Kiều Văn Phú	Anh	13.300	13.300	0,14	20.994	20.994	0,11	24.369	24.369	0,11
1.3	Vũ Thị Thanh Huyền	Vợ	50.000	50.000	0,55	78.929	78.929	0,42	91.617	91.617	0,42
1.4	Kiều Thị Dung	Chị	3.333	3.333	0,37	4.789	4.789	0,03	5.558	5.558	0,03
1.5	Kiều Thị Thơm	Chị	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.6	Kiều Thị Miên	Em	0	0	0	10.800	10.800	0,06	12.536	12.536	0,06
1.7	Kiều Văn Cao	Em	187.000	187.000	2,07	21.468	21.468	0,12	24.919	24.919	0,12
1.8	Kiều Mai	Con	0	0	0	0	0	0	0	0	0

	Hương										
1.9	Kiều Ngọc Mai	Con	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.10	Kiều Trí Dũng	Con	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: SCL)

Bảng 22 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn – Kiều Thị Nhung

STT	Tên	Chức vụ tại Công ty/ mối quan hệ của NLQ với CĐL	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
			Tại ngày trở thành cổ đông lớn: 14/05/2018			Tại thời điểm hiện tại			Dự kiến sau phát hành		
2	Kiều Thị Nhung	Cổ đông lớn	1.168.760	1.168.760	8,41	1.411.166	1.411.166	7,56	1.638.030	1.638.030	7,56
2.1	Nguyễn Ánh Hồng	chồng	462.097	462.097	3,3	602.854	602.854	3,23	699.771	699.771	3,23
2.2	Nguyễn Kiều Vũ Lâm	Con	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0,00
2.3	Nguyễn Kiều Phương	Con	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0,00

2.4	Anh Phạm Thị Trường	Mẹ chồng	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0,00
2.5	Nguyễn Thị Hải An	Em chồng	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0,00
2.6	Nguyễn Thị Tố Phương	Em chồng	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0,00
2.7	Nguyễn Thị Việt Hà	Em chồng	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0,00
2.8	Kiều Quang Vọng	Bố đẻ	38.720	38.720	0,28	50.514	50.514	0,27	58.634	58.634	0,27
2.9	Vũ Thị Hưng	Mẹ đẻ	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0,00
2.10	Kiều Văn Cường	Anh trai	3.872	3.872	0,03	5.051	5.051	0,03	5.863	5.863	0,03
2.11	Lê Thị Tú Anh	Chị dâu	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0,00
2.12	Kiều Thị Thanh Nhàn	Chị gái	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0,00

(Nguồn: SCL)

Bảng 23 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn – CTCP Công nghiệp dịch vụ Cao Cường

STT	Tên	Chức vụ tại Công ty/ mối quan hệ của NLQ với CĐL	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
			Tại ngày trở thành cổ đông lớn: 17/04/2007			Tại thời điểm hiện tại			Dự kiến sau phát hành		
3	CTCP Công nghiệp dịch vụ Cao Cường	Cổ đông lớn	90.000	90.000	30,00	2.390.090	2.390.090	12,81	2.774.330	2.774.330	12,81
3.1	Kiều Quang Vọng	Chủ tịch HĐQT	38.720	38.720	0,28	50.514	50.514	0,27	58.634	58.634	0,27
3.2	Kiều Văn Cao	TGD	187.000	187.000	2,07	21.468	21.468	0,12	24.919	24.919	0,12
3.3	Kiều Văn Mát	Người đại diện theo uỷ quyền	-	-	-	2.205.631	2.205.631	11,82	2.560.217	2.560.217	11,82

(Nguồn: SCL)

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch, lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành của các cổ đông lớn từ 2 năm liền trước thời điểm hiện tại:

Bảng 24 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch, lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành của các cổ đông lớn

STT	Cổ đông lớn	Hợp đồng	Giao dịch và Lợi ích liên quan đối với TCPH
1	Kiều Văn Mát	Không có	Thông tin chi tiết tại mục 3.1.1
2	Kiều Thị Nhung	Không có	Không có
3	CTCP Công nghiệp dịch vụ Cao Cường	- Hợp đồng số: 0601/2020/HĐKT-DVCC ngày 06/01/2020 về việc hàng hoá thông qua cảng thủy nội địa Cao Cường; - Hợp đồng số: 0301/2022/HĐKT-DVCC ngày 03/01/2022 về việc hàng hoá thông qua cảng thủy nội địa Cao Cường; - Hợp đồng số: 0301/2023/HĐKT-DVCC ngày 03/01/2023 về việc hàng hoá thông qua cảng thủy nội địa Cao Cường.	Năm 2021: - Phải thu tiền mua tro bay: 34.303.500.000 đồng; - Thu tiền mua tro bay: 34.303.500.000 đồng; - Phải trả tiền hàng thông qua cảng, xếp dỡ hàng, ...: 3.859.211.710 đồng; - Trả tiền hàng thông qua cảng, xếp dỡ hàng, ...: 2.878.160.150 đồng. Năm 2022: - Trả tiền bốc xếp, dịch vụ khác: 6.241.931.094 đồng. Năm 2023: - Phải trả tiền hàng thông qua cảng, xếp dỡ...: 986.892.500 đồng; - Trả tiền hàng thông qua cảng, xếp dỡ...: 1.789.570.424 đồng; - Phải trả tiền dịch vụ ăn uống, phòng nghỉ...: 682.910.600 đồng; - Trả tiền dịch vụ ăn uống, phòng nghỉ...: 682.910.600 đồng.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng 25 - Danh sách HĐQT, BKS, BTGD, KTT

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội Đồng Quản Trị		
1	Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Kiều Quang Vọng	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên HĐQT không điều hành
Ban kiểm soát		
1	Đào Xuân Quỳnh	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên BKS
3	Bùi Thị Vê	Thành viên BKS
Ban Tổng giám đốc		
1	Vũ Văn Chiến	Tổng giám đốc
2	Phạm Văn Thu	Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng		
1	Trần Văn Hoan	Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng Quản Trị**3.1.1. Chủ tịch HĐQT – Ông Kiều Văn Mát**

- Họ tên : Kiều Văn Mát
- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 25/08/1969
- Nơi sinh : Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Số CCCD : 030069008716 Ngày cấp: 03/06/2022
- Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế; Cử nhân Luật; Lý luận chính trị cao cấp.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1993 đến 2003	HTX công nghiệp Cao Cường	Chủ nhiệm HTX công nghiệp Cao Cường
Từ 01/2004 đến 04/2004	Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phả Lại	Chủ tịch HĐQT
Từ 05/2004 đến 04/2007	Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	Chủ tịch HĐQT
Từ 05/2007 đến 12/2007	Công ty CP Sông Đà Cao Cường	Chủ tịch HĐQT
Từ 01/2008 đến 10/2017	Công ty CP Sông Đà Cao Cường.	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc
Từ 11/2017 đến nay	Công ty CP Sông Đà Cao Cường.	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán: 4.783.215 cổ phần, chiếm 25,63% vốn điều lệ, trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 2.205.631 cổ phần, chiếm 11,82% vốn điều lệ;

+ Sở hữu đại diện: 2.390.090 cổ phần, chiếm 12,81% vốn điều lệ;

+ Sở hữu của người có liên quan: 187.494 CP chiếm 1% vốn điều lệ.

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Kiều Quang Vọng	Anh trai	50.514	0,27
Kiều Văn Phú	Anh trai	20.994	0,11
Vũ Thị Thanh Huyền	Vợ	78.929	0,42
Kiều Thị Dung	Chị gái	4.789	0,03
Kiều Thị Miên	Em gái	10.800	0,06
Kiều Văn Cao	Em trai	21.468	0,12
Công ty CP Công nghiệp dịch vụ Cao Cường	Công ty mà người nội bộ là người đại diện theo ủy quyền	2.390.090	12,81

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao/ Lương (Đồng)			Nhận cổ phiếu ESOP	
Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Số lượng	Giá
390.815.193	347.935.500	516.000.000	0	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

3.1.2. Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Hồng Quyền

- Họ và tên : Nguyễn Hồng Quyền
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/09/1950
- Nơi sinh : Hoàng Xuyên, Hoàng Hóa, Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 1BT8. Khu đô thị LIGECO Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội
- Số CCCD : 011230993 Ngày cấp: 08/12/2005
- Nơi cấp : Công an Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ khoa học
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1967 đến năm 1972	CHDC Đức	Đại học Tổng hợp
Từ năm 1972 đến năm 1977	Viện Vật lý	Cán bộ khoa học
Từ năm 1977 đến năm 1980	CHDC Đức	Nghiên cứu sinh
Từ năm 1980 đến 09/2010	Viện Vật lý	Cán bộ khoa học
Từ 04/2007 đến nay	CTCP Sông Đà Cao Cường	Thành viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán: 106 cổ phần, chiếm 0,0006% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 106 cổ phần, chiếm 0,0006% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao/ Lương (Đồng)			Nhận cổ phiếu ESOP	
Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Số lượng	Giá
53.060.000	54.000.000	72.000.000	0	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

3.1.3. Thành viên HĐQT – Ông Kiều Quang Vọng

- Họ và tên : Kiều Quang Vọng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/01/1956
- Nơi sinh : Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Số CCCD : 030056000171 Ngày cấp: 08/09/2015
- Nơi cấp : Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – CTCP Công nghiệp

Dịch vụ Cao Cường.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Trước 04/2007	Công ty Cổ phần Công nghiệp dịch vụ Cao Cường	Tổng giám đốc
Từ 04/2007 đến 2013	Công ty Cổ phần Công nghiệp dịch vụ Cao Cường	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc
Từ 2013 đến nay	Công ty Cổ phần Công nghiệp dịch vụ Cao Cường	Chủ tịch HĐQT,
Từ 04/2007 đến 06/04/2018	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Thành viên HĐQT đến 06/4/2018; Phó Tổng giám đốc từ 4/2007 đến tháng 31/12/2017)
Từ 28/04/2022-nay	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán: 6.802.286 cổ phần, chiếm 36,45% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 50.514 cổ phần, chiếm 0,27% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 6.751.772 cổ phần chiếm 36,45% vốn điều lệ.

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
CTCP Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	Tổ chức mà người người nội bộ là Chủ tịch HĐQT	2.390.090	2.390.090
Kiều Văn Cường	Con trai	5.051	5.051
Kiều Thị Nhung	Con gái	1.411.166	1.411.166
Kiều Văn Mát	Em trai	2.205.631	2.205.631
Kiều Văn Phú	Em trai	20.994	20.994
Vũ Thị Thanh Huyền	Em dâu	78.929	78.929
Kiều Thị Dung	Em gái	4.789	4.789
Kiều Thị Miên	Em gái	10.800	10.800
Kiều Văn Cao	Em trai	21.468	21.468
Nguyễn Ánh Hồng	Con rể	602.854	602.854

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao/ Lương (Đồng)			Nhận cổ phiếu ESOP	
Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Số lượng	Giá
157.692.000	249.009.000	312.000.000	0	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

3.1.4. Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Anh Dũng

- Họ và tên : Nguyễn Anh Dũng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 28/05/1975

- Nơi sinh : Văn An, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 17/126 Kim Hoa, Phương Liên, Đống Đa, HN
- Số CCCD: 030075006847 Ngày cấp: 10/07/2021
- Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ (Anh), cử nhân quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 16/05/2016 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán: 669.492 cổ phần, chiếm 3,59% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 669.492 cổ phần, chiếm 3,59% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao/ Lương (Đồng)			Nhận cổ phiếu ESOP	
Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Số lượng	Giá
248.458.500	168.201.500	192.000.000	160.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

3.1.5. Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Ánh Hồng

- Họ và tên : Nguyễn Ánh Hồng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 23/03/1978
- Nơi sinh : Xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: Phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Số CCCD : 038078034811 Ngày cấp: 22/12/2021
- Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/2001 đến 10/2007	Kho bạc Nhà nước Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Cán bộ
Từ 11/2007 đến nay	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chí Linh	Trưởng phòng
Từ 25/04/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán: 2.069.585 cổ phần, chiếm 11,09% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 602.854 cổ phần, chiếm 3,23% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: 1.466.731 cổ phần, chiếm 7,86% vốn điều lệ.

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Kiều Thị Nhung	Vợ	1.411.166	7,56
Kiều Quang Vọng	Bố vợ	50.514	0,27
Kiều Văn Cường	Anh vợ	5.051	0,03

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao/ Lương (Đồng)			Nhận cổ phiếu ESOP	
Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Số lượng	Giá
53.300.000	54.000.000	72.000.000	0	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

3.2. Ban Kiểm soát

3.2.1. Trưởng BKS – Ông Đào Xuân Quỳnh

- Họ và tên : Đào Xuân Quỳnh
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 14/02/1982
- Nơi sinh : Đồng Lạc, Chí Linh, Hải dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phả Lại, Chí Linh. Hải Hương
- Số CCCD : 030082004912 Ngày cấp: 25/04/2021
- Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Trưởng BKS.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 14/08/2013 đến 28/06/2017	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Trưởng BKS
Từ 29/06/2017 đến 14/11/2017	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Thành viên BKS
Từ 15/11/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Trưởng BKS
Từ 13/10/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán: 58.602 cổ phần, chiếm 0,31% vốn điều lệ, trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 42.984 cổ phần, chiếm 0,23% vốn điều lệ;
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- + Sở hữu của người có liên quan: 15.618 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ.

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Phạm Thị Thu Thái	Vợ	12.744	0,07
Đào Xuân Cường	Em trai	2.874	0,02

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao/ Lương (Đồng)			Nhận cổ phiếu ESOP	
Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Số lượng	Giá
53.900.000	54.000.000	76.300.000	38.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

3.2.2. Thành viên BKS – Bà Bùi Thị Vê

- Họ và tên : Bùi Thị Vê
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 23/12/1975
- Nơi sinh : Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Số CCCD : 030175007385 Ngày cấp: 13/04/2020
- Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: TC Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên BKS
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng - Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 25/04/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Thành viên BKS
Từ 10/06/1996 đến nay	Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán: 1.080 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ, trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 1.080 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ;
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao/ Lương (Đồng)			Nhận cổ phiếu ESOP	
Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Số lượng	Giá
32.400.000	58.900.000	96.000.000	0	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

3.2.3. Thành viên BKS – Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

- Họ và tên : Nguyễn Thị Thu Hoài

- Giới tính : Nữ

- Ngày sinh : 16/10/1982

- Nơi sinh : Nhật Tân, Tiên Lữ, Hưng Yên

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

- Số CCCD : 033182004804 Ngày cấp: 24/04/2021

- Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên BKS

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán viên - Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 26/04/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Thành viên BKS
Từ 01/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Dịch vụ Cao Cường	Kế toán

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán: 2.160 cổ phần, chiếm 0,012% vốn điều lệ, trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 2.160 cổ phần, chiếm 0,012% vốn điều lệ;

- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao/ Lương (Đồng)			Nhận cổ phiếu ESOP	
Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Số lượng	Giá
32.400.000	32.400.000	32.700.000	0	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

3.3. Ban Tổng Giám đốc

3.3.1. Tổng Giám đốc - Vũ Văn Chiến

- Họ và tên : Vũ Văn Chiến
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 16/09/1986
- Nơi sinh : Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Số CMND : 030086007344 Ngày cấp: 25/04/2021
- Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tự động hóa
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký đại chúng: Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/02/2011 đến 09/05/2018	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Cán bộ
Từ 10/05/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán: 292.680 cổ phần, chiếm 1,57% vốn điều lệ, trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 292.680 cổ phần, chiếm 1,57% vốn điều lệ;
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với TGD: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao/ Lương (Đồng)			Nhận cổ phiếu ESOP	
Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Số lượng	Giá
355.397.083	319.435.073	445.945.102	200.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

3.3.2. Phó Tổng Giám đốc – Ông Phạm Văn Thư

- Họ và tên : Phạm Văn Thư
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 04/07/1984
- Nơi sinh : Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Số CMND : 030084015208 Ngày cấp: 25/04/2021
- Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật xây dựng, Cử nhân QTKD
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký đại chúng: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán: 60.998 cổ phần, chiếm 0,327% vốn điều lệ, trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 58.298 cổ phần, chiếm 0,31% vốn điều lệ;
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- + Sở hữu của người có liên quan: 2.700 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ.

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Phạm Trung Chính	Anh trai	1.080	0,006
Lương Thị Thúy	Vợ	1.620	0,009

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với TGD: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá,...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao/ Lương (Đồng)			Nhận cổ phiếu ESOP	
Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Số lượng	Giá
312.801.500	265.780.706	342.873.076	30.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

3.4. Kế toán trưởng

- Họ và tên : Trần Văn Hoan
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 08/10/1984
- Nơi sinh : Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương
- Số CMND : 142188945 Ngày cấp: 20/07/2015
- Nơi cấp : Công an tỉnh Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Chứng chỉ Kế toán trưởng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2010 đến 09/05/2018	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Kế toán viên
Từ 10/05/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
38.880 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ, trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 38.880 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ;

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao/ Lương (Đồng)			Nhận cổ phiếu ESOP	
Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Số lượng	Giá
246.711.042	220.246.918	306.962.687	0	-

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu: 3.000.000 cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

5. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

6. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2023

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng VN)
Vốn chủ sở hữu	256.123.765.067
Tài sản vô hình	9.515.280.564
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.660.895
Số lượng cổ phiếu quỹ	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.660.895

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm} - \text{Tài sản vô hình tại thời điểm}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} - \text{Số lượng cổ phiếu quỹ}} \\ &= \frac{256.123.765.067 - 9.515.280.564}{18.660.895 - 0} = 13.215 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

Giá trị thị trường (giá đóng cửa bình quân của 20 phiên gần nhất tính đến ngày 31/12/2023): 17.550 đồng/cổ phiếu.

Đơn vị tính: Nghìn đồng/cổ phiếu

STT	Ngày	Giá đóng cửa	STT	Ngày	Giá đóng cửa
1	29/12/2023	19,4	11	15/12/2023	18,5
2	28/12/2023	18,9	12	14/12/2023	18,4
3	27/12/2023	19,3	13	13/12/2023	19,2
4	26/12/2023	19,6	14	12/12/2023	19,5
5	25/12/2023	19,6	15	11/12/2023	19,5
6	22/12/2023	19,4	16	08/12/2023	19,3
7	21/12/2023	19,5	17	07/12/2023	19,0
8	20/12/2023	18,6	18	06/12/2023	19,0
9	19/12/2023	18,6	19	05/12/2023	18,8
10	18/12/2023	18,5	20	04/12/2023	19,0

$$\text{Bình quân} = 19.080 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Căn cứ đề xuất mức giá phát hành:

Đợt phát hành cổ phiếu của SCL được chào bán cho cổ đông hiện hữu. Do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn của SCL, giá thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu SCL được tính toán, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá sau khi phát hành nên giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là **10.000** đồng/cổ phiếu, bằng **75,67%** giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2023 và bằng **52,41%** giá trị thị trường.

7. Phương thức phân phối

Phương thức phân phối cho cổ đông hiện hữu: Theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể như sau:

- **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 622:100 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ được nhận 01 quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Cứ 622 quyền mua sẽ được mua 100 cổ phiếu mới).

- **Đối tượng chào bán:** Cổ đông hiện hữu của SCL có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.

Thời điểm chốt Danh sách được Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho HĐQT quyết định.

- **Nguyên tắc làm tròn xuống, xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu nhà đầu tư từ chối mua:**

+ Hội đồng quản trị quyết định việc xử lý số lượng cổ phiếu mà cổ đông không đăng ký/không thực hiện quyền mua, bao gồm nhưng không giới hạn việc chào bán cho nhà đầu tư khác phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa áp dụng tại SCL;

+ Số lượng cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ phân phối quyền đối với từng cổ đông được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định hủy bỏ hoặc chào bán cho nhà đầu tư khác phù hợp với quy định của pháp luật.

- **Phương án xử lý số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua/ không nộp tiền mua/đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua đúng hạn/ số cổ phiếu chưa phân phối hết:**

+ ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định việc chào bán số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua đúng hạn, số cổ phiếu chưa phân phối hết cho nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác) với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

+ Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

+ Trong trường hợp phát hành cho cổ đông khác hoặc nhà đầu tư khác mà vẫn không phân phối hết số cổ phiếu dự kiến phát hành thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành và thực hiện tăng Vốn điều lệ theo số cổ phần thực tế phát hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- **Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu:** Không áp dụng.

- **Thời hạn đăng ký quyền mua và nộp tiền:** Công ty sẽ công bố chính thức thời gian đăng ký mua khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Phương thức đăng ký:**

+ **Đối với cổ đông đã lưu ký:** Cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký mua cổ phiếu và thanh toán tiền mua cổ phiếu tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch.

+ **Đối với cổ đông chưa lưu ký:** Cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký mua cổ phiếu và thanh toán tiền mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường - Phòng kế toán – Km 28+100m, Quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

- **Phương thức thanh toán:**

+ **Đối với cổ đông đã lưu ký:** thanh toán bằng chuyển khoản tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản.

+ **Đối với cổ đông chưa lưu ký:** nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.

Hết thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

- **Chuyển nhượng quyền mua:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách Người sở hữu chứng khoán được phân bổ quyền mua do VSDC cung cấp có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định (chậm nhất trong 05 (năm) ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền mua).

Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày.



Thời gian tiến hành dự kiến: Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2024 sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông **dự kiến** như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian (*)
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng	T
2	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	T+1 đến T+7
3	Gửi thông báo chốt danh sách cổ đông tới VSDC	T+1 đến T+7
5	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền	T+17
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua cổ phiếu	T+19 đến T+20
5	Cổ đông nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu	T+21 đến T+25
6	Thực hiện đăng ký mua và chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu (tối thiểu 20 ngày để nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu)	T+26 đến T+46
7	VSDC gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm và chuyển tiền về tài khoản phong tỏa	T+47 đến T+52
8	HĐQT phân phối đối với số cổ phần không bán hết	T+53 đến T+68
9	Báo cáo kết quả chào bán cho UBCK	T+68 đến T+75
10	Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung	T+93 đến T+103
11	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch	T+104 đến T+110

(*) Thời điểm cụ thể phụ thuộc vào việc chấp thuận phương án của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và VSDC.

10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi)

Đợt chào bán của SCL là đợt chào bán cổ phiếu phổ thông và không phải đợt chào bán cổ phiếu ưu đãi.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được phân bổ quyền mua. Số cổ phiếu mua thêm từ việc thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ, chào bán cổ phiếu chưa phân phối hết cho nhà đầu tư khác, thì số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết

thúc đợt chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.
- Số tài khoản phong tỏa: 4610023137.
- Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bắc Hải Dương.

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có.

14. Huỷ bỏ đợt chào bán

Không áp dụng.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại SCL trước và sau khi tăng vốn:
 - Theo văn bản số 661/UBCK-PTTT ngày 14/02/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 0%;
 - Theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/12/2023 do VSDC cung cấp cho SCL, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại SCL trước khi tăng vốn: 0,01%;
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại SCL dự kiến sau khi tăng vốn: 0,01%.
- Trường hợp xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết theo phương án phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu), trong đó bao gồm cả nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) thì SCL cũng sẽ đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.
- SCL cam kết luôn đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trước, trong và sau khi phát hành cổ phiếu theo các phương án nêu trên tại SCL và chịu trách nhiệm nếu vi phạm cam kết này.

16. Các loại thuế có liên quan

Thuế áp dụng đối với cổ đông là cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất là: 0,1% (không phải một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Thuế áp dụng đối với cổ đông là tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu;
- Thuế suất: bằng 20% (hai mươi phần trăm).
- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán cổ phiếu tại thời điểm chuyển nhượng;
- Thuế suất: bằng 0,1% (không phải một phần trăm).

17. Thông tin về các cam kết

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường cam kết: Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành. Tổ chức phát hành cam kết hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

SCL hiện không có đợt chào bán, phát hành chứng khoán nào khác trong cùng đợt chào bán cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

SCL tăng vốn điều lệ để có đủ nguồn lực tài chính đầu tư xây dựng công trình tạm để xử lý, tiêu thụ tro, xỉ đang lưu trữ tại bãi xỉ Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2 nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường để từ đó nâng cao doanh thu và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng), toàn bộ số tiền này sẽ được Công ty sử dụng như sau:

Bảng 26 - Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
A	Phần thiết bị cơ – công nghệ:	14.300.250.000	
1	Công đoạn cấp liệu – tuyến tro bay:	4.148.770.000	
-	Cụm chuyên tro xỉ từ bãi về bể chứa	2.037.440.000	Năm 2024
-	Cụm cấp liệu và tuyến	2.111.330.000	Năm 2024
2	Công đoạn sấy tro bay:	10.151.480.000	

-	Phần cấp liệu	477.000.000	Năm 2024
-	Phần lò đốt tầng sôi	7.800.000.000	Năm 2024
-	Phần cấp than vào lò đốt tầng sôi	34.440.000	Năm 2024
-	Phần bơm liệu và silo	877.930.000	Năm 2024
-	Hệ thống khí nén	962.110.000	Năm 2024
B	Thiết bị, máy phục vụ cho sản xuất	13.450.000.000	Năm 2024
C	Trang thiết bị cho văn phòng	2.249.750.000	Năm 2024
Tổng cộng trước thuế		30.000.000.000	

Đại hội đồng cổ đông đã giao cho Hội đồng quản trị chủ động điều chỉnh, cân đối và phân bổ số tiền thu được từ đợt tăng vốn vào các mục đích nêu trên một cách hợp lý, tùy thuộc vào tình hình thực tế đảm bảo hiệu quả và lợi ích cho Công ty và cổ đông.

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, Hội đồng quản trị có thể sử dụng vốn vay hợp pháp và các nguồn vốn huy động khác đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn vốn của Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán ra công chúng

a. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, Đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 024 3868 9566/024 3868 9588

Fax: 024 3868 6248

Website: <http://www.kiemtoanava.vn/>

CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM

Văn phòng Hà Nội: P. 1501 nhà 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 024 2221 0082

Fax: 024 2221 0084

Website: <http://www.pkf.com.vn/>

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Văn phòng Hà Nội: Phòng 903, toà 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại: 024 6281 1281

Fax:

Website: <http://www.aascn.com.vn/>



b. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Trụ sở chính: Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, T.P Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 3880 3456

Fax: (84-24) 3880 3456

Website: <https://www.dsc.com.vn/>

2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán ra công chúng

Với tư cách là tổ chức tư vấn phát hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán ra công chúng được sử dụng để đầu tư xây dựng công trình tạm để xử lý, tiêu thụ tro, xỉ đang lưu trữ tại bãi xỉ Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2 theo hợp đồng số 2910/HĐ-NĐVT-SĐCC/2021 ngày 29/10/2021 nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường để từ đó nâng cao doanh thu và hiệu quả kinh doanh là phù hợp với định hướng của Công ty, xu thế thị trường và quy định của Nhà nước.

Khối lượng chào bán cho cổ đông hiện hữu đợt này 3.000.000 cổ phiếu. Đối với giá chào bán cổ phiếu SCL cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu thì mức giá chào bán là hợp lý.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư. Nhà đầu tư tự chủ động ra quyết định đầu tư.



BẢN CÁO BẠCH – CTCP SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG (SCL)



NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hải Dương, ngày 26 tháng 02 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG**



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kiều Văn Mát

Tổng Giám đốc

Vũ Văn Chiến

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**



Tổng Giám đốc

Bạch Quốc Vinh

PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở KH&ĐT thành phố Hải Dương cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 02/01/2024;
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 861/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/12/2023 về việc Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
3. Tờ trình số 815/TTr-HĐQT ngày 15/11/2023 và Phương án kèm theo;
4. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 136/NQ-HĐQT ngày 21/02/2024 về việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và hồ sơ đăng ký chào bán;
5. Điều lệ Công ty Cổ Phần Sông Đà Cao Cường;
6. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường;
7. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường;
8. Báo cáo tài chính đã soát xét bán niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường;
9. Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường;
10. Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán thu được từ phát hành 3.388.997 cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2021 của ĐHĐCĐ bất thường năm 2021;
11. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán;
12. Văn bản cam kết triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu;
13. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa;
14. Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán.